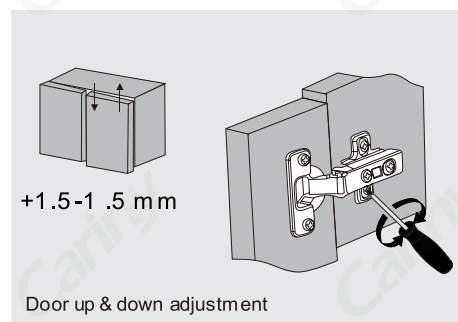
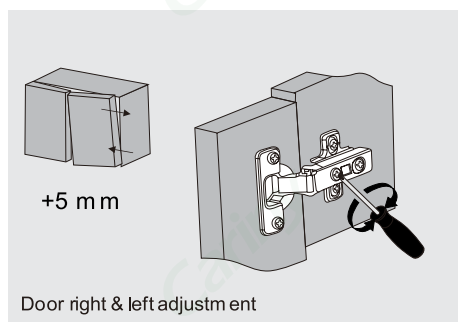
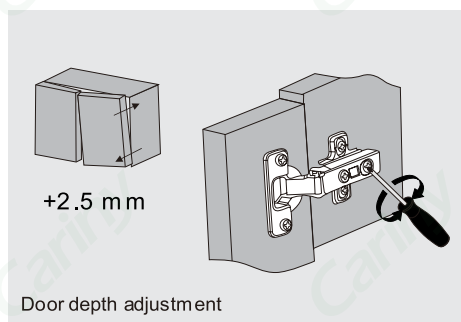
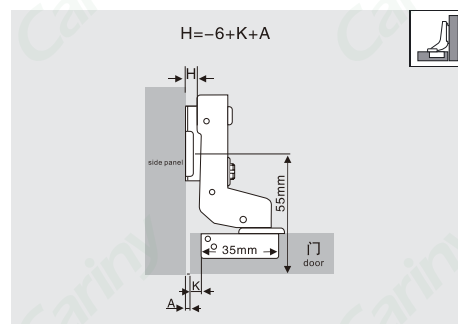
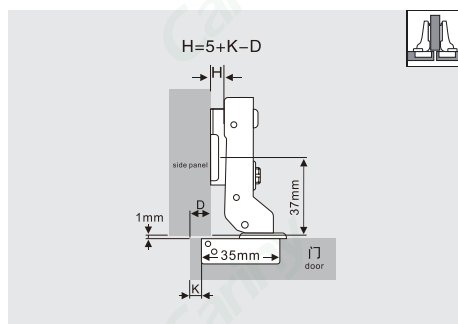
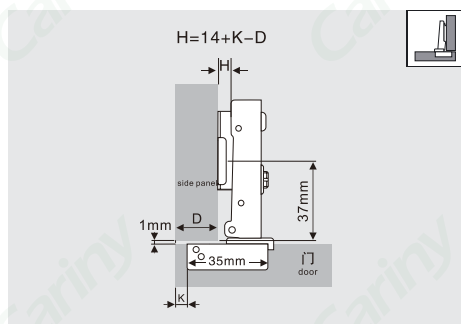


BẢN LỀ

Thông Số Kỹ Thuật



BÀN LỀ/HINGES

STERO C12



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C12-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	8.800 (vnd)
STERO C12-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	8.800 (vnd)
STERO C12-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	8.800 (vnd)

Bàn lề hai chiều, thép mạ, không giảm chấn, góc mở 95°, tháo lắp thường

ECLIP C14



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C14-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	22.000 (vnd)
ECLIP C14-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	22.000 (vnd)
ECLIP C14-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	22.000 (vnd)

ECLIP C15



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C15-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	24.200 (vnd)
ECLIP C15-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	24.200 (vnd)
ECLIP C15-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	24.200 (vnd)

ECLIP C16



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C16-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	27.500 (vnd)
ECLIP C16-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	27.500 (vnd)
ECLIP C16-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	27.500 (vnd)

BÀN LÊ/HINGES

ECLIP C25



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C25-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	25.300 (vnd)
ECLIP C25-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	25.300 (vnd)
ECLIP C25-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	25.300 (vnd)



ECLIP DR14



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP DR14-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	33.000 (vnd)
ECLIP DR14-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	33.000 (vnd)
ECLIP DR14-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	33.000 (vnd)



ECLIP DG14



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP DG14-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	33.000 (vnd)
ECLIP DG14-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	33.000 (vnd)
ECLIP DG14-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	33.000 (vnd)



INOXA S33



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
INOXA S33-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
INOXA S33-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
INOXA S33-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	38.500 (vnd)



BÀN LỀ/HINGES

INOXA S35



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
INOXA S35-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	49.500 (vnd)
INOXA S35-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	49.500 (vnd)
INOXA S35-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	49.500 (vnd)

Bàn lề inox 304 bóng, giảm chấn pít-tông đồng, góc mở 110°, tháo lắp nhanh

INOXA S36



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
INOXA S36-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	55.000 (vnd)
INOXA S36-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	55.000 (vnd)
INOXA S36-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	55.000 (vnd)

Bàn lề ba chiều, inox 304 bóng, giảm chấn pít-tông đồng, góc mở 110°, tháo lắp nhanh

ANGLA C45



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C45	Bàn lề thép mạ, dùng cho cánh tủ góc.	Chiếc	44.000 (vnd)

Bàn lề thép mạ, dùng cho cánh tủ góc, không giảm chấn, góc mở 45°, tháo lắp nhanh

ANGLA C90



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C90	Bàn lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc	Chiếc	44.000 (vnd)

Bàn lề thép mạ, dùng cho cánh tủ góc, không giảm chấn, góc mở 90°, tháo lắp nhanh

BÀN LỀ/HINGES

ANGLA C115



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C115	Bàn lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc, mở 2 cánh cùng lúc	Chiếc	44.000 (vnđ)

Bàn lề thép mạ, dùng cho cánh tủ góc, mở 2 cánh cùng lúc, không giảm chấn, góc mở 115°

ANGLA C165



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C165-A	Bàn lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc/tủ kho	Chiếc	55.000 (vnđ)
ANGLA C165-B		Chiếc	55.000 (vnđ)
ANGLA C165-C		Chiếc	55.000 (vnđ)

Bàn lề thép mạ, dùng cho cánh tủ góc/tủ kho, không giảm chấn, góc mở 165°

ANGLA C166



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C166-A	Bàn lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc/tủ kho	Chiếc	88.000 (vnđ)
ANGLA C166-B		Chiếc	88.000 (vnđ)
ANGLA C166-C		Chiếc	88.000 (vnđ)

Bàn lề thép mạ, dùng cho cánh tủ góc, giảm chấn, góc mở 165°

GLAXI K57



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GLASI K57-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	38.500 (vnđ)
GLAXI K57-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	38.500 (vnđ)
GLAXI K57-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	38.500 (vnđ)

Bàn lề dùng cho cánh cửa kính, có giảm chấn, góc mở 95°, tháo lắp nhanh

BÀN LỀ/HINGES

STERO C403



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C403-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	17.600 (vnd)
STERO C403-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	17.600 (vnd)
STERO C403-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	17.600 (vnd)

Bàn lề thép mạ Nikel, có giảm chấn, góc mở 95°, tháo lắp thường

STERO C503



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C503	Bàn lề lắp âm, thép mạ Nikel	Chiếc	27.500 (vnd)

Bàn lề lắp âm, thép mạ Nikel, tháo lắp thường

STERO C801



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C801	Bàn lề thép mạ Nikel	Chiếc	84.700 (vnd)

Bàn lề thép mạ Nikel, tháo lắp thường

GLAXI K116



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GLAXI K116-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	137.500 (vnd)
GLAXI K116-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	137.500 (vnd)
GLAXI K116-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	137.500 (vnd)

Bàn lề dùng cho cửa kính, góc mở 165°, tháo lắp nhanh bằng nút nhấn

BÀN LỀ/HINGES

BL-1025



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-1025	C100 x R75 x ø12 x D2.5 (mm)	Chiếc	38.500 (vnd)

Bàn lề lá dùng cho cửa gỗ, inox 304 không gỉ

BL-1230



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-1230	C120 x R75 x ø12 x D3.0 (mm)	Chiếc	44.000 (vnd)

Bàn lề lá dùng cho cánh cửa gỗ, inox 304 không gỉ

BL-2025



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-2025	C100 x R75 x ø10 x D2.5 (mm)	Chiếc	38.500 (vnd)

Bàn lề lá đồng trục lắp nhanh dùng cho cánh cửa gỗ, inox 304 không gỉ

ANGLA C22



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C22	Bàn lề nối cánh, sử dụng chung với tay nâng 2 cánh hoặc pittong	Chiếc	66.000 (vnd)
ANGLA C22N	Bàn lề nối cánh, sử dụng chung với tay nâng 2 cánh hoặc pittong có cân chỉnh	Chiếc	88.000 (vnd)

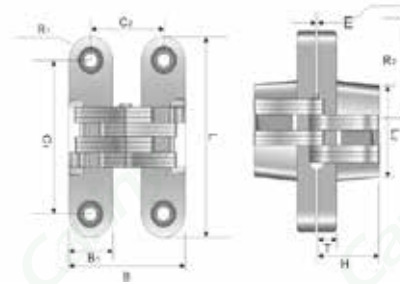
BÀN LỀ/HINGES

DORIMA ZC-214



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMA ZC 214-45	R13x C45 mm	Chiếc	121.000 (vnd)
DORIMA ZC 214-60	R13xC60 mm	Chiếc	143.000 (vnd)
DORIMA ZC 214-70	R16xC70 mm	Chiếc	198.000 (vnd)
DORIMA ZC 214-95	R19xC95 mm	Chiếc	341.000 (vnd)

Bàn lề âm, góc mở 180°

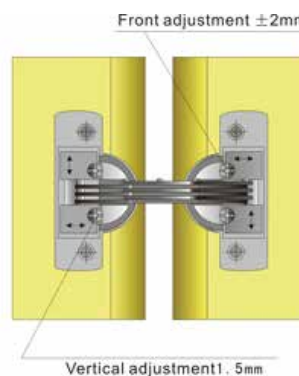


DORIMA ZC-119



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMA ZC-119	Bàn lề cánh bướm, lắp âm cánh cửa gỗ, khoét cánh mòi 45°	Chiếc	181.500 (vnd)

Độ dày cánh cửa: 16-22 mm, đường kính đầu bịt: 35 mm
Chất liệu: hợp kim kẽm mạ Nikel, không gỉ, chống ăn mòn
Dễ dàng lắp đặt





BẢN LỀ CHO CỬA ĐI

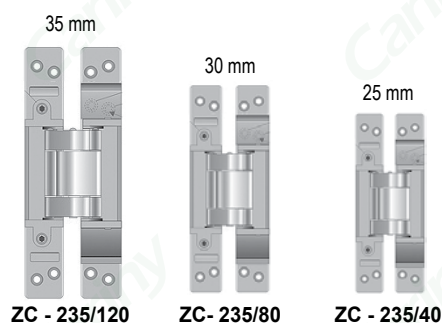
BÀN LỀ CHO CỬA ĐI

DORIMA ZC-235



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMA ZC235-40	25mm / 40kg	Chiếc	423.500 (vnd)
DORIMA ZC235-80	30mm / 80kg	Chiếc	544.500 (vnd)
DORIMA ZC235-120	35mm / 120kg	Chiếc	825.500 (vnd)

Bàn lề âm dùng cửa đi, Góc mở 180°
khoản cách điều chỉnh 3 chiều

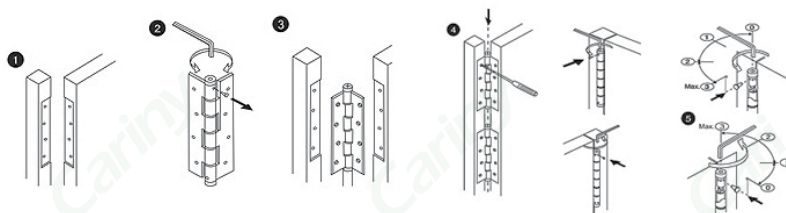


BL-168

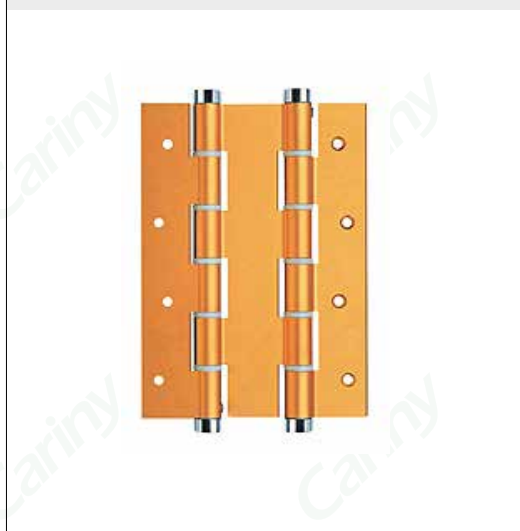


Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-168	C180 x R80 x ø10 x D4 (mm)	Chiếc	154.000 (vnd)

Góc mở 270°
Độ dày cánh cửa tối thiểu: 32mm
Tải trọng: 25kg
Chất liệu, hoàn thiện: Hợp kim kẽm, silver (gold)
Đóng cửa tự động



BL-188



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-188	C180 x R80 x ø10 x D4.0 (mm)	Chiếc	231.000 (vnd)

Bàn lề dùng cho cửa mở 2 chiều
Độ dày cánh cửa tối thiểu: 32mm
Tải trọng: 25kg
Chất liệu, hoàn thiện: Hợp kim kẽm, silver (gold)
Đóng cửa tự động



RAY ÂM & RAY BI



RAY ÂM VÀ RAY BI

EXCELA P34



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
P34-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	154.000 (vnd)
P34-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	165.000 (vnd)
P34-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	176.000 (vnd)
P34-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	187.000 (vnd)
P34-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	198.000 (vnd)

Ray âm kiểu Blum giảm chấn, mở 3/4, tháo lắp nhanh, tải trọng 40-45 kg

EXCELA SGR



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SGR-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	220.000 (vnd)
SGR-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	231.000 (vnd)
SGR-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	242.000 (vnd)
SGR-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	258.000 (vnd)
SGR-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	275.000 (vnd)

Ray âm kiểu Blum giảm chấn nhẹ nhàng, mở ra toàn phần, tháo lắp nhanh, tải trọng 40-45 kg

EXCELA SBL



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SBL-250	Kích thước/Drawer Length: 250mm	Bộ	220.000 (vnd)
SBL-300	Kích thước/Drawer Length: 300mm	Bộ	220.000 (vnd)
SBL-350	Kích thước/Drawer Length: 350mm	Bộ	231.000 (vnd)
SBL-400	Kích thước/Drawer Length: 400mm	Bộ	242.000 (vnd)
SBL-450	Kích thước/Drawer Length: 450mm	Bộ	258.500 (vnd)
SBL-500	Kích thước/Drawer Length: 500mm	Bộ	275.000 (vnd)
SBL-550	Kích thước/Drawer Length: 550mm	Bộ	297.000 (vnd)
SBL-600	Kích thước/Drawer Length: 600mm	Bộ	319.000 (vnd)
SBL-650	Kích thước/Drawer Length: 650mm	Bộ	341.000 (vnd)
SBL-700	Kích thước/Drawer Length: 700mm	Bộ	363.000 (vnd)

Ray âm kiểu Blum giảm chấn, mở ra toàn phần, tháo lắp nhanh, tải trọng 40-45 kg
Có chỉnh lực giảm chấn



Chỉnh lực giảm chấn

RAY ÂM VÀ RAY BI

RAYOLA RBI



Ray bi 3 tầng, chất liệu inox, không giảm chấn, bản cao 45mm, tải trọng 30-35 kg

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RBI-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	110.000 (vnd)
RBI-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	132.000 (vnd)
RBI-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	154.000 (vnd)
RBI-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	176.000 (vnd)
RBI-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	198.000 (vnd)

RAYOLA RGI



Ray bi 3 tầng, chất liệu inox, có giảm chấn, bản cao 45mm, tải trọng 30-35 kg

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RGI-250	Kích thước 250mm Drawer length 250mm	Bộ	154.000 (vnd)
RGI-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	154.000 (vnd)
RGI-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	170.500 (vnd)
RGI-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	187.000 (vnd)
RGI-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	203.500 (vnd)
RGI-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	220.000 (vnd)

RAYOLA RBH



Ray bi 3 tầng, chất liệu thép mạ kẽm, không giảm chấn, tải trọng 30-35 kg

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RBH-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	77.000 (vnd)
RBH-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	88.000 (vnd)
RBH-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	99.000 (vnd)
RBH-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	110.000 (vnd)
RBH-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	121.000 (vnd)

RAY ÂM VÀ RAY BI

RAYOLA RBB



Ray bi 3 tầng, chất liệu thép sơn tĩnh điện, không giảm chấn, tải trọng 30-35 kg

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RBB-250	Kích thước 250mm Drawer length 250mm	Bộ	66.000 (vnd)
RBB-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	66.000 (vnd)
RBB-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	77.000 (vnd)
RBB-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	88.000 (vnd)
RBB-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	99.000 (vnd)
RBB-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	110.000 (vnd)
RBB-600	Kích thước 600mm Drawer length 600mm	Bộ	135.000 (vnd)
RBB-700	Kích thước 700mm Drawer length 700mm	Bộ	176.000 (vnd)
RBB-800	Kích thước 800mm Drawer length 800mm	Bộ	209.000 (vnd)

RAYOLA RGB



Ray bi 3 tầng, thép sơn tĩnh điện, có giảm chấn, tải trọng 30-35 kg

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RGB-250	Kích thước 250mm Drawer length 250mm	Bộ	132.000 (vnd)
RGB-300	Kích thước 300mm Drawer length 300mm	Bộ	132.000 (vnd)
RGB-350	Kích thước 350mm Drawer length 350mm	Bộ	143.000 (vnd)
RGB-400	Kích thước 400mm Drawer length 400mm	Bộ	154.000 (vnd)
RGB-450	Kích thước 450mm Drawer length 450mm	Bộ	165.000 (vnd)
RGB-500	Kích thước 500mm Drawer length 500mm	Bộ	176.000 (vnd)
RGB-800	Kích thước 800mm Drawer length 800mm	Bộ	275.000 (vnd)
RGB-850	Kích thước 850mm Drawer length 850mm	Bộ	291.500 (vnd)

RAY HỘP NGĂN KÉO



RAY HỘP NGĂN KÉO

SLIMBOX AX



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SLIMBOX AX-89/500	Ray hộp siêu mỏng	Bộ	990.000 (vnd)
SLIMBOX AX-89/450		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AX-121/450		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AX-121/500		Bộ	1.210.000 (vnd)

Ray hộp siêu mỏng, nhôm sơn tĩnh điện màu xám
Cao 89mm và 212mm

SLIMBOX AT



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SLIMBOX AT-89/450	Ray hộp siêu mỏng	Bộ	990.000 (vnd)
SLIMBOX AT-89/500		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AT-121/450		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AT-121/500		Bộ	1.210.000 (vnd)

Ray hộp siêu mỏng, nhôm sơn tĩnh điện màu trắng
Cao 89mm và 121mm

HORINA ST1



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ST1/450	Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện màu trắng	Bộ	660.000 (vnd)
ST1/500		Bộ	715.000 (vnd)
SX1/450	Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện màu xám	Bộ	660.000 (vnd)
SX1/500		Bộ	715.000 (vnd)

Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện
Loại ngăn thấp

HORINA ST2



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ST2/450	Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện màu trắng	Bộ	715.000 (vnd)
ST2/500		Bộ	770.000 (vnd)
SX2/450	Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện màu xám	Bộ	715.000 (vnd)
SX2/500		Bộ	770.000 (vnd)

Ray hộp ngăn kéo thép sơn tĩnh điện
Loại ngăn cao

RAY HỘP NGĂN KÉO

HORINA ST3



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ST3/450	Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện màu trắng	Bộ	880.000 (vnd)
ST3/500		Bộ	1.045.000 (vnd)
SX3/450	Ray hộp ngăn kéo sơn tĩnh điện màu xám	Bộ	880.000 (vnd)
SX3/500		Bộ	1.045.000 (vnd)

Ray hộp thép sơn tĩnh điện, vách kính

HORINA SS1



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SS1-450	Hộp cao 108mm	Bộ	990.000 (vnd)
HORINA SS1-500		Bộ	1.100.000 (vnd)

Ray hộp ngăn kéo inox 304, hộp cao 108mm
Loại ngăn thấp

HORINA SS2



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SS2-450	Ray hộp inox 304	Bộ	1.100.000 (vnd)
HORINA SS2-500		Bộ	1.210.000 (vnd)

Ray hộp ngăn kéo inox 304, hộp cao 108mm
Loại ngăn cao, có thanh tăng cường

HORINA SS3



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SS3-450	Ray hộp inox 304 vách kín	Bộ	1.210.000 (vnd)
HORINA SS3-500	Ray hộp inox 304 vách kín	Bộ	1.320.000 (vnd)

Ray hộp inox 304
Loại ngăn cao, có vách kính

RAY HỘP NGĂN KÉO

HORINA SA1



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SA1-450	Ray hộp nhôm mạ inox mờ	Bộ	990.000 (vnd)
HORINA SA1-500		Bộ	1.100.000 (vnd)

Ray hộp nhôm mạ inox mờ
Loại ngăn thấp

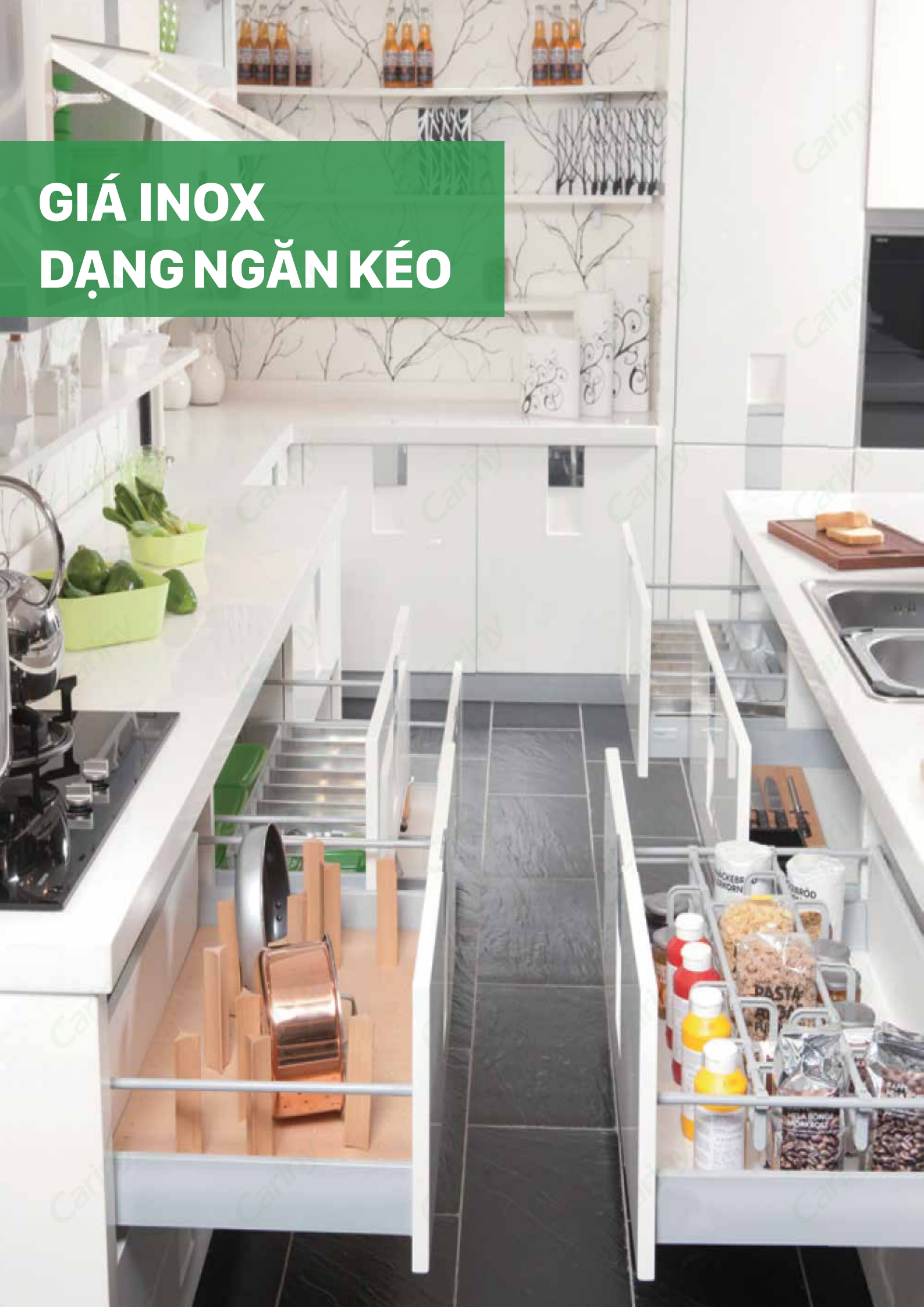
HORINA SA3



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SA3-450	Ray hộp nhôm mạ inox mờ	Bộ	1.210.000 (vnd)
HORINA SA3-500	Ray hộp nhôm mạ inox mờ	Bộ	1.320.000 (vnd)

Ray hộp nhôm mạ inox mờ
Loại ngăn cao

GIÁ INOX DẠNG NGĂN KÉO



GIÁ INOX DẠNG NGĂN KÉO

Rimoula CG25



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG25-600	600mm	S460xC150xR564mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
CG25-700	700mm	S460xC150xR664mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
CG25-800	800mm	S460xC150xR764mm	Bộ	1.595.000 (vnd)
CG25-900	900mm	S460xC150xR864mm	Bộ	1.705.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng xoong nồi inox 304 hộp
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh) hoặc cánh mở (thùng)

Rimoula CG26-A



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG26-60	600mm	S460xC150xR564mm	Bộ	1.760.000 (vnd)
CG26-700	700mm	S460xC150xR664mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
CG26-800	800mm	S460xC150xR764mm	Bộ	1.925.000 (vnd)
CG26-900	900mm	S460xC150xR864mm	Bộ	2.035.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng bát đĩa inox 304 hộp
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh) hoặc cánh mở (thùng)

Rimoula CK25



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK25-600	600mm	S460xC150xR564mm	Bộ	1.705.000 (vnd)
CK25-700	700mm	S460xC150xR664mm	Bộ	1.760.000 (vnd)
CK25-800	800mm	S460xC150xR764mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
CK25-900	900mm	S460xC150xR864mm	Bộ	1.870.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng xoong nồi inox hộp, vách kính cường lực
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)

Rimoula CK26



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK26-600	600mm	S460xC150xR564mm	Bộ	2.145.000 (vnd)
CK26-700	700mm	S460xC150xR664mm	Bộ	2.200.000 (vnd)
CK26-800	800mm	S460xC150xR764mm	Bộ	2.255.000 (vnd)
CK26-900	900mm	S460xC150xR864mm	Bộ	2.310.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng bát đĩa inox hộp, vách kính cường lực
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)

GIÁ INOX DẠNG NGĂN KÉO

Badisola CH25



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH25-600	600mm	S464xC196xR564mm	Bộ	1.870.000 (vnd)
CH25-700	700mm	S464xC196xR664mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
CH25-800	800mm	S464xC196xR764mm	Bộ	2.090.000 (vnd)
CH25-900	900mm	S464xC196xR864mm	Bộ	2.200.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng xoong nồi
chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome sợi dệt
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

Badisola CH26



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH26-600	600mm	S464xC196xR564mm	Bộ	2.090.000 (vnd)
CH26-700	700mm	S464xC196xR664mm	Bộ	2.200.000 (vnd)
CH26-800	800mm	S464xC196xR764mm	Bộ	2.310.000 (vnd)
CH26-900	900mm	S464xC196xR864mm	Bộ	2.420.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng bát đĩa
chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome sợi dệt
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

Badisola CS25A



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS25A-600	600mm	S435xC195xR564mm	Bộ	1.685.000 (vnd)
CS25A-700	700mm	S435xC195xR664mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS25A-800	800mm	S435xC195xR764mm	Bộ	1.905.000 (vnd)
CS25A-900	900mm	S435xC195xR864mm	Bộ	2.015.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng xoong nồi
chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Dùng lắp cánh mở (thùng)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

Badisola CS26A



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS26A-600	600mm	S435xC195xR564mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS26A-700	700mm	S435xC195xR664mm	Bộ	2.015.000 (vnd)
CS26A-800	800mm	S435xC195xR764mm	Bộ	2.125.000 (vnd)
CS26A-900	900mm	S435xC195xR864mm	Bộ	2.235.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng bát đĩa
chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Dùng lắp cánh mở (thùng)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

GIÁ INOX DẠNG NGĂN KÉO

Badisola CS25B



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS25B-600	600mm	S435xC195xR564mm	Bộ	1.685.000 (vnd)
CS25B-700	700mm	S435xC195xR664mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS25B-800	800mm	S435xC195xR764mm	Bộ	1.905.000 (vnd)
CS25B-900	900mm	S435xC195xR864mm	Bộ	2.015.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng xoong nồi
chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Dùng lắp cánh mở (thùng)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

Badisola CS26B



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS26B-600	600mm	S435xC195xR564mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS26B-700	700mm	S435xC195xR664mm	Bộ	2.015.000 (vnd)
CS26B-800	800mm	S435xC195xR764mm	Bộ	2.125.000 (vnd)
CS26B-900	900mm	S435xC195xR864mm	Bộ	2.235.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng bát đĩa
chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Dùng lắp cánh mở (thùng)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

Badisola CW25



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CW25-600	600mm	S450xC130xR564mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
CW25-700	700mm	S450xC130xR664mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
CW25-800	800mm	S450xC130xR764mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
CW25-900	900mm	S450xC130xR864mm	Bộ	1.650.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng xoong nồi
chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome sợi tròn
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh) hoặc cánh mở (thùng)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

Badisola CW26



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CW26-600	600mm	S450xC185xR564mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
CW26-700	700mm	S450xC185xR664mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
CW26-800	800mm	S450xC185xR764mm	Bộ	1.595.000 (vnd)
CW26-900	900mm	S450xC185xR864mm	Bộ	1.705.000 (vnd)

Ngăn kéo giá đựng bát đĩa inox 304 sợi tròn
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh) hoặc cánh mở (thùng)
(kèm theo ray âm giảm chấn và khay hứng nước)

KỆ ĐA NĂNG



KỆ ĐA NĂNG

Danasola CS-1620



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1620	200mm	S450 x C455 x R158 mm	Bộ	2.125.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 200mm

Danasola CS-1621



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1621	200mm	S450xC455xR158mm	Bộ	2.125.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 200mm

Danasola CS-1625



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1625	250mm	S450xC455xR195mm	Bộ	2.180.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho cánh rộng 250mm

Danasola CS-1630



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1630	300mm	S450xC455xR250mm	Bộ	2.235.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho cánh rộng 300mm

KỆ ĐA NĂNG

Danasola CS-1631



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
---------------------	--------------------	---------------------	----------------	------------------

Kệ gia vị 3 tầng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300mm

Danasola CS-1635



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1635	350mm	S450xC455xR293mm	Bộ	2.290.000 (vnđ)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 350mm

Danasola CS-1641



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1641	400mm	S450xC455xR340mm	Bộ	2.345.000 (vnđ)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa (xước mờ)
Ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400mm

Minoura CG-1730



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1730	300mm	S460xC490xR250mm	Bộ	1.705.000 (vnđ)

Kệ gia vị đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho cánh rộng 300mm

KỆ ĐA NĂNG

Minoura CG-1735



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1735	350mm	S460xC490xR300mm	Bộ	1.815.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 350mm

Minoura CG-1740



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1740	400mm	S460xC490xR350mm	Bộ	1.925.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 400mm

Minoura CG-1820



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1820	200mm	S460xC480xR155mm	Bộ	1.595.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 200mm

Minoura CG-1825



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1825	250mm	S460xC480xR205mm	Bộ	1.650.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 250mm

KỆ ĐA NĂNG

Minoura CG-1830



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1830	300mm	S460xC490xR250mm	Bộ	1.705.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 300mm

Minoura CG-1835



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1835	350mm	S460xC490xR300mm	Bộ	1.815.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 350mm

Minoura CG-1840



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1840	400mm	S460xC490xR350mm	Bộ	1.925.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox hộp, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 400mm

Minoura CK-1735



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1735	350mm	S450xC490xR300mm	Bộ	2.420.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng, inox hộp vách kính cường lực
Ray âm giảm chấn, Lắp cho mặt cánh rộng 350mm

KỆ ĐA NĂNG

Minoura CK-1830



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1830	300mm	S450xC490xR250mm	Bộ	2.310.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox hộp vách kính, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 300mm

Minoura CK-1835



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1835	350mm	S450xC490xR300mm	Bộ	2.420.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox hộp vách kính, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 350mm

Minoura CK-1840



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1840	400mm	S450xC490xR350mm	Bộ	2.530.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox hộp vách kính, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 400mm

Dasanola CH-1915



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1915	150mm	S490xC520xR100mm	Bộ	1.760.000 (vnd)

Kệ gia vị đa năng, inox 304 nan dẹt, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 150mm

KỆ ĐA NĂNG

Dasanola CH-1930



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1930	300mm	S450xC470xR245mm	Bộ	2.090.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome nan dệt
Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 300mm

Dasanola CH-1935



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1935	350mm	S450xC470xR297mm	Bộ	2.200.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome nan dệt
Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 350mm

Dasanola CH-1940



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1940	400mm	S450xC470xR345mm	Bộ	2.310.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome nan dệt
Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 400mm

Dasanola CH-1945



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1945	450mm	S450xC470xR397mm	Bộ	2.420.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 mạ chrome nan dệt
Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 450mm

KỆ ĐA NĂNG

Hibomera CH-2030



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HIBOMERA CH-2030	S480xC450xR240mm	Bộ	2.750.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox 304 nan dẹt, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 300mm

Hibomera CH-2040



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HIBOMERA CH-2040	S480xC450xR340mm	Bộ	3.410.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox 304 nan dẹt, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 400mm

Hibomera CH-2045



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HIBOMERA CH-2045	S480xC450xR330mm	Bộ	3.630.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox 304 nan dẹt, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 450mm

KỆ ĐA NĂNG

Hibomera CH-2060



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HIBOMERA CH-2060	S480xC450xR480mm	Bộ	3.850.000 (vnd)

Kệ gia vị, dao thớt đa năng, inox 304 nan dẹt, Ray âm giảm chấn
Lắp cho mặt cánh rộng 600mm

CLERIA CD-2510



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CD-2510	S458xC450xR212mm	Bộ	1.540.000 (vnd)

Kệ đựng chất tẩy rửa, inox hộp, lắp vách tủ
kèm theo ray giảm chấn

CLERIA CH-3510S



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-3510	S450xC400xR300mm	Bộ	2.860.000 (vnd)

Kệ đựng chất tẩy rửa inox sợi, ray âm giảm chấn

CLERIA CR-300/350



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CR-300	S120xC430xR300mm	Bộ	1.155.000 (vnd)
CR-350	S120xC430xR350mm	Bộ	1.210.000 (vnd)

Kệ đựng chất tẩy rửa inox, lắp trên cánh tủ



GIÁ ĐA NĂNG TỬ TRÊN



GIÁ ĐA NĂNG TỦ TRÊN

DISOLA GB27



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB27-700	700mm	S270xC137xR664mm	Bộ	1.650.000 (vnd)
GB27-800	800mm	S270xC137xR764mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
GB27-900	900mm	S270xC137xR864mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
GB27-1000	1000mm	S270xC137xR968mm	Bộ	2.145.000 (vnd)

Giá đựng bát đĩa tủ trên 2 tầng, khung nhôm, inox 304 sợi tròn khay nước kèm theo

DISOLA GB28



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB28-600	600mm	S280xC95xR564mm	Bộ	715.000 (vnd)
GB28-700	700mm	S280xC95xR664mm	Bộ	770.000 (vnd)
GB28-800	800mm	S280xC95xR764mm	Bộ	825.000 (vnd)
GB28-900	900mm	S280xC95xR864mm	Bộ	880.000 (vnd)
GB28-1000	1000mm	S280xC95xR964mm	Bộ	935.000 (vnd)

Giá đựng bát đĩa tủ trên 2 tầng, inox lá 304 khay nước kèm theo

DISOLA GB29



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB29-600	600mm	S270xC137xR564mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
GB29-700	700mm	S270xC137xR664mm	Bộ	1.650.000 (vnd)
GB29-800	800mm	S270xC137xR764mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
GB29-900	900mm	S270xC137xR864mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
GB29-1000	1000mm	S270xC137xR964mm	Bộ	2.145.000 (vnd)

Giá đựng bát đĩa tủ trên 2 tầng, inox 304 sợi tròn khay nước kèm theo

DISOLA GB30



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB30-600	600mm	S280xC95xR564mm	Bộ	1.010.000 (vnd)
GB30-700	700mm	S280xC95xR664mm	Bộ	1.111.000 (vnd)
GB30-800	800mm	S280xC95xR764mm	Bộ	1.221.000 (vnd)
GB30-900	900mm	S280xC95xR864mm	Bộ	1.331.000 (vnd)

Giá đựng bát đĩa tủ trên 3 tầng, inox lá 304 khay nước kèm theo

GIÁ ĐA NĂNG TỦ TRÊN

MOBIADO KD-24CI



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KD24CI-600	600mm	S280xC570xR564mm	Bộ	5.720.000 (vnd)
KD24CI-700	700mm	S280xC570xR664mm	Bộ	5.830.000 (vnd)
KD24CI-800	800mm	S280xC570xR764mm	Bộ	5.940.000 (vnd)
KD24CI-900	900mm	S280xC570xR864mm	Bộ	6.160.000 (vnd)

Kệ di động đựng ly cốc, bát đĩa
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa mờ

KD-24E1



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MOBIADO KD-24E1/800	S270xC664xR764mm	Bộ	19.800.000 (vnd)
MOBIADO KD-24E1/900	S270xC664xR864mm	Bộ	20.900.000 (vnd)

Kệ di động đa năng cảm ứng đựng gia vị E1

KD-24E2



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MOBIADO KD-24E2/800	S270xC664xR764mm	Bộ	19.800.000 (vnd)
MOBIADO KD-24E2/900	S270xC664xR864mm	Bộ	20.900.000 (vnd)

Kệ di động đa năng cảm ứng đựng gia vị, dao thớt E2

KD-24E3



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MOBIADO KD-24E3/800	S270xC664xR764mm	Bộ	19.800.000 (vnd)
MOBIADO KD-24E3/900	S270xC664xR864mm	Bộ	20.900.000 (vnd)

Kệ di động đa năng cảm ứng đựng bát đĩa E3

GIÁ ĐA NĂNG TỦ TRÊN

KD-24E4



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MOBIADO KD-24E4/800	S270xC664xR764mm	Bộ	19.800.000 (vnd)
MOBIADO KD-24E4/900	S270xC664xR864mm	Bộ	20.900.000 (vnd)

Kệ di động đa năng cảm ứng đựng ly cốc E4

KD-24E5



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MOBIADO KD-24E5/800	S270xC664xR764mm	Bộ	19.800.000 (vnd)
MOBIADO KD-24E5/900	S270xC664xR864mm	Bộ	20.900.000 (vnd)

Kệ cảm ứng đa năng đựng gia vị E5

CH-3030M



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-3030M R/L	S460xC580xR235mm	Bộ	2.640.000 (vnd)

Kệ gia vị 3 tầng, ray lắp bên hông tủ 300 mm

CH-2050M



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-2050M	S490x590xR410mm	Bộ	3.740.000 (vnd)

Kệ đựng đồ khô 2 tầng mini, cánh rộng 500mm

THÙNG GẠO THÙNG RÁC



THÙNG GẠO

GALITO TGK-260/300



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-260	S450xC650xR258mm	Bộ	1.925.000 (vnd)
TGK-300	S450xC650xR298mm	Bộ	2.090.000 (vnd)

Thùng gạo inox mặt kính gương

GALITO TGK-261/301



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-261	S450xC650xR258mm	Bộ	1.925.000 (vnd)
TGK-301	S450xC650xR298mm	Bộ	2.090.000 (vnd)

Thùng gạo inox mặt kính đen

GALITO TGK-262



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-262	S450xC620xR258mm	Bộ	2.090.000 (vnd)
TGK-302	S450xC620xR298mm	Bộ	2.200.000 (vnd)

Thùng gạo inox mặt kính trắng

GALITO TGK-320



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-320	S450xC620xR258mm	Bộ	2.310.000 (vnd)

Thùng gạo inox, 2 ngăn, mặt kính gương

GALITO-TGK-305

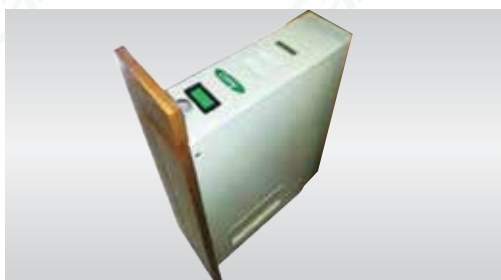


Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-305	S450xC650xR298mm	Bộ	2.310.000 (vnd)

Thùng gạo inox, có hiển thị trọng lượng, mặt kính trắng

THÙNG GẠO

GALITO TGA-200/250



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGA-200	S470xC560xR150mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
TGA-250	S400xC510xR220mm	Bộ	1.650.000 (vnd)

Thùng gạo thép sơn tĩnh điện, có hiển thị trọng lượng, cánh kéo

GALITO TGA-300/450



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGA-300	S390xC460xR260mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
TGA-450	S410xC560xR390mm	Bộ	3.410.000 (vnd)

Thùng gạo thép sơn tĩnh điện, có hiển thị trọng lượng, cánh mở

VARIO TR-8L/14L



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TR-14L	Ø330-H325mm	Bộ	660.000

Thùng rác tròn, nắp cánh

VARIO TR-21/22AB



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TR-21A	S490xC430xR260mm	Bộ	1.870.000
TR-21B	S490xC430xR260mm	Bộ	1.980.000
TR-22A	S490xC330xR350mm	Bộ	1.870.000
TR-22B	S490xC330xR350mm	Bộ	1.980.000

Thùng rác nhựa màu trắng, 2 ngăn, mỗi ngăn 14 lít

A close-up photograph of a kitchen cabinet's corner storage system. The cabinet is made of light-colored wood. Inside, a white rotating shelf is mounted, holding several stainless steel pots and pans. The pots are arranged in a way that they can be easily accessed from the corner. The countertop is a speckled grey material. The floor is a light-colored tile.

MÂM XOAY & KỆ GÓC

MÂM XOAY & KỆ GÓC

ROBINA MX-180



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MX-180	400-450mm	(630-800)xØ745mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
MX-180D	400-450mm	(630-800)xØ745mm	Bộ	2.090.000 (vnd)

Mâm xoay 1/2, đường kính D=745mm
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa mờ sợi dệt

ROBINA MX-270



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MX-270	400-450mm	(630-780)xØ710mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
MX-270D	400-450mm	(630-780)xØ710mm	Bộ	2.640.000 (vnd)

Mâm xoay 3/4, đường kính D=710mm
Chất liệu thép không gỉ SUS 304 điện hóa mờ sợi dệt

ANGELA KG-271



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh kéo/ hướng trái phải	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-271ML/MR	450mm	S468xC(600-730)xR785mm	Bộ	9.020.000 (vnd)

Kệ góc hình chiếc lá, thép mạ chrome, đáy melamin, giảm chấn thủy lực

ANGELA KG-272



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh kéo hướng trái	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-272GL Rổ inox hộp	400 mm	S505xC(610-810) xR820mm	Bộ	6.490.000 (vnd)
KG-272KL Rổ inox vách kính	400 mm	S505xC(610-810) xR820mm	Bộ	7.150.000 (vnd)
KG-272IL Rổ inox	400 mm	S505xC(610-810) xR820mm	Bộ	7.150.000 (vnd)
KG-272ML Rổ đáy melamin	400 mm	S505xC(610-810) xR820mm	Bộ	7.370.000 (vnd)
KG-272DML Rổ inox đan dệt đáy melamin chống trượt	400 mm	S510xC(620-750) xR860mm	Bộ	9.020.000 (vnd)

Kệ góc liên hoàn, giảm chấn

MÂM XOAY & KỆ GÓC

ANGELA KG-275



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-275ML/MR Rổ đáy melamin	800mm	S460xC590xR670mm	Bộ	9.020.000 (vnd)
KG-275IL/IR Rổ inox đan dệt	800mm	S460xC590xR670mm	Bộ	9.020.000 (vnd)

Kệ góc liên hoàn, đáy melamin



KỆ TỦ KHO

KỆ TỦ KHO

MTK-645



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-645G Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox hộp	450mm	S500x(C min 1800) xR385mm	Bộ	7.480.000 (vnd)
MTK-645SS Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox sợi tròn	450mm	S500x(C1950-2100) xR345mm	Bộ	8.580.000 (vnd)
MTK-645SD Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox sợi dẹt	450mm	S500x(C1950-2100) xR345mm	Bộ	9.680.000 (vnd)
MTK-645K Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox hộp vách kính	450mm	S500x(C min 1800) xR385mm	Bộ	8.580.000 (vnd)
MTK-645TD Hệ tủ kho cánh mở, rổ đáy melamin	450mm	S500x(C1950-2100) xR385mm	Bộ	10.560.000 (vnd)
MTK-645TM Hệ tủ kho cánh mở, rổ đáy melamin	450mm	S500x(C1950-2100) xR385mm	Bộ	10.560.000 (vnd)

Kệ tủ kho 6 tầng (12 rổ)
Lắp cho cánh mở rộng 450mm

MTK-660



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-660DM Hệ tủ kho cánh mở, rổ thép sợi dẹt mạ crom, đáy melamin	600mm	S530xC1950 xR525mm	Bộ	15.840.000 (vnd)
MTK-660G Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox hộp	600mm	S500xC1840 xR535mm	Bộ	9.790.000 (vnd)
MTK-660K Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox vách kính	600mm	S500x C1840 xR535mm	Bộ	10.890.000 (vnd)

Kệ tủ kho 6 tầng (12 rổ)
Lắp cho cánh mở rộng 600mm

KỆ TỦ KHO

KTK-640



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KTK-640SS Hệ tủ kho 6 tầng, cánh kéo, rổ inox sợi	400mm	S510x(C1950-2100) xR364mm	Bộ	8.580.000 (vnd)

Kệ tủ kho 6 tầng (6 rổ)
Lắp cho cánh kéo rộng 400 mm

MTK-445



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-445G Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox hộp	450mm	S500x(C min 1400) xR385mm	Bộ	5.830.000(vnd)
MTK-445K Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox vách kính	450mm	S500x(C min 1400) xR385mm	Bộ	6.380.000(vnd)

Kệ tủ kho 4 tầng (8 rổ)
Lắp cho cánh mở rộng 450mm

KỆ TỦ KHO

KTK-540



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KTK-540HM Hệ tủ kho cánh kéo xoay, rổ vách kính, đáy melamin	400mm	S520x(C2100-2400) xR340mm	Bộ	26.180.000 (vnd)
KTK-540WM Hệ tủ kho cánh kéo xoay, rổ vách gỗ, đáy melamin	400mm	S520x(C2100-2400) xR340mm	Bộ	26.180.000 (vnd)
KTK-540SM Hệ tủ kho cánh kéo xoay, rổ vách inox sợi dệt, đáy melamin	400mm	S520x(C2100-2400) xR340mm	Bộ	26.180.000 (vnd)

Kệ tủ kho 5 tầng, cánh kéo xoay rộng 400mm

MTK-550



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-550KM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách kính, đáy melamin	500mm	S535x(C2020-2320) xR380mm	Bộ	14.850.000 (vnd)
MTK-560KM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách kính, đáy melamin	600mm	S535x(C2020-2320) xR480mm	Bộ	15.950.000 (vnd)

Hệ tủ kho 5 tầng vách kính, cánh mở rộng 500-600mm

KỆ TỦ KHO

MTK-550



Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-550WM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách gỗ, đáy melamin	500mm	S535x(C2020-2320) xR380mm	Bộ	21.560.000(vnd)
MTK-560WM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách kính, đáy melamin	600mm	S535x(C2020-2320) xR480mm	Bộ	22.660.000(vnd)

Hệ tủ kho 5 tầng vách gỗ, cánh mở rộng 500-600mm



PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO



PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-301



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA301-600	S460xC170xR564mm	1.540.000 (vnd)
WA301-700	S460xC170xR664mm	1.595.000 (vnd)
WA301-800	S460xC170xR764mm	1.650.000 (vnd)
WA301-900	S460xC170xR864mm	1.705.000 (vnd)

Rổ đựng quần áo, vách kính

Mardio WA-302



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA302-600	S460xC170xR564mm	1.925.000 (vnd)
WA302-700	S460xC170xR664mm	1.980.000 (vnd)
WA302-800	S460xC170xR764mm	2.035.000 (vnd)
WA302-900	S460xC170xR864mm	2.090.000 (vnd)

Rổ đựng quần áo, vách mây nhựa

Mardio WA-303



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA303-600	S460xC170xR564mm	1.650.000 (vnd)
WA303-700	S460xC170xR664mm	1.705.000 (vnd)
WA303-800	S460xC170xR764mm	1.760.000 (vnd)
WA303-900	S460xC170xR864mm	1.815.000 (vnd)

Rổ đựng quần áo, vách thép mạ chrome

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-402



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA402-800	S477xC218xR764mm	2.310.000 (vnd)
WA402-900	S477xC218xR864mm	2.365.000 (vnd)

Rổ đựng quần áo, vách mây nhựa

Mardio WA-305



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA305-600	S460xC170xR564mm	1.540.000 (vnd)
WA305-700	S460xC170xR664mm	1.595.000 (vnd)
WA305-800	S460xC170xR764mm	1.650.000 (vnd)
WA305-900	S460xC170xR864mm	1.705.000 (vnd)

Hệ thanh suốt treo quần kèm khay phụ kiện

Mardio WA-306



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA306-600	S460xC170xR564mm	1.430.000 (vnd)
WA306-700	S460xC170xR664mm	1.485.000 (vnd)
WA306-800	S460xC170xR764mm	1.540.000 (vnd)
WA306-900	S460xC170xR864mm	1.595.000 (vnd)

Kệ để phụ kiện, cà vạt, thắt lưng

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-314



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-314	S460xC220xR360mm	1.089.000 (vnd)

Rổ đựng quần dài đa năng



Mardio WA-313



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-313	S460xC135xR120mm	660.000 (vnd)

Móc treo quần dài đa năng

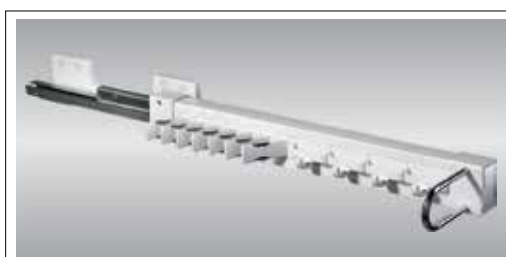


Mardio WA-319A/B



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA319 - A/B	S460xC70xR140mm	462.000 (vnd)

Móc treo cà vạt, thắt lưng đa năng
A: treo trái, B: treo phải



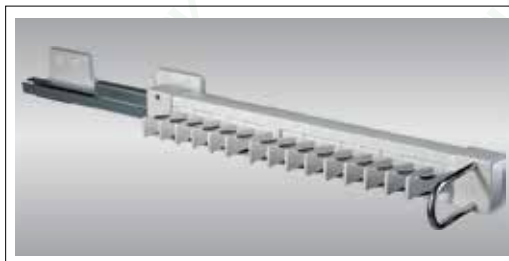
PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-320A/B



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA 320-A/B	S460xC70xR140mm	462.000 (vnd)

Móc treo cà vạt, thắt lưng da năng
A: treo trái, B: treo phải



Mardio WA-307



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA307-800	S460xC170xR564mm	1.430.000 (vnd)
WA307-900	S460xC170xR664mm	1.485.000 (vnd)

Kệ để giày dép



PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-304



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA 304-600	S460xC60xR564mm	1.034.000 (vnd)
WA 304-700	S460xC60xR664mm	1.078.000 (vnd)
WA 304-800	S460xC60xR764mm	1.122.000 (vnd)
WA 304/900	S460xC60xR864mm	1.166.000 (vnd)

Hệ thanh suốt treo quần dài

Mardio WA-311



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-311	S460xC135xR650mm	1.430.000 (vnd)

Móc treo quần đôi lắp trần tủ

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-312



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-312	S460xC135xR360mm	979.000 (vnd)

Móc treo quần đơn lắp trần tủ

Mardio WA-308



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-308	S460xC960xR330mm	2.145.000 (vnd)

Kệ xếp quần áo 3 tầng, vách kính

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-309



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-309	S460xC960xR325mm	2.585.000 (vnd)

Kệ xếp quần áo 3 tầng, vách mây nhựa

Mardio WA-310



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-310	S460xC960xR325mm	2.365.000 (vnd)

Kệ xếp quần áo 3 tầng, vách thép mạ chrome

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO

Mardio WA-410



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-410	S478xC971xR305mm	2.475.000 (vnd)

Kệ xếp quần áo 4 tầng, thép mạ chrome

Mardio WA-225



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-225		1.320.000 (vnd)

Cầu bàn là gỗ, không xoay được

Mardio WA-226



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-226		2.150.000 (vnd)

Cầu bàn là gỗ, xoay được

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO - HỆ PHÒNG THAY ĐỔI

Mardio WA-504A/B



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-504A	R800 – 1000mm	1.650.000 (vnd)
WA-504B	R900 – 1000mm	1.760.000 (vnd)

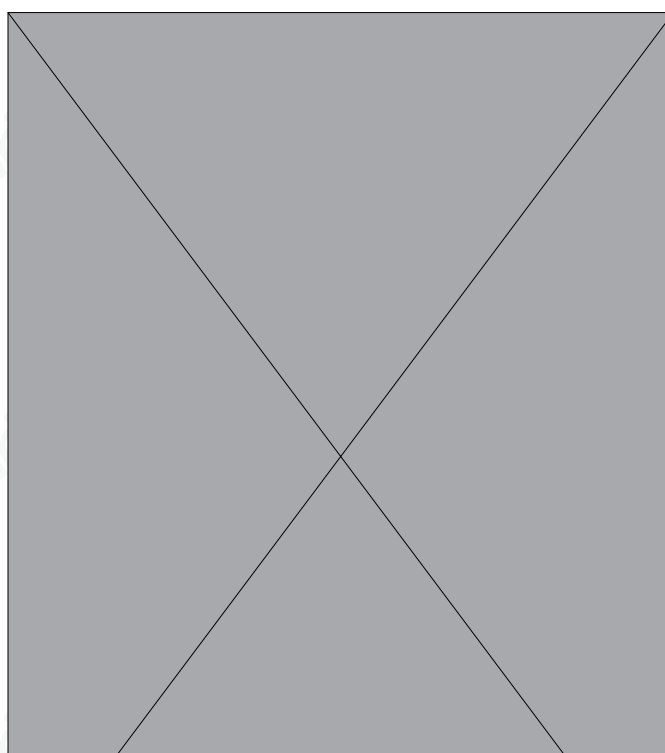
Móc treo áo di động, chất liệu inox

Mardio WA-224



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-224A	S40 x C1200 x R400mm	1.375.000 (vnd)

Gương xoay lắp vách, kèm khay phụ kiện





Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán Price
CWA-201	Dùng cho cánh có độ dày từ 15-18mm , chiều cao cánh 1900mm	137.500 (vnd)
CWA-202	Dùng cho cánh có độ dày từ 15-18mm , chiều cao cánh 1900mm, có thể tăng chỉnh	159.000 (vnd)
UD-22/33	Thanh ray dùng cho bánh xe CWA-201/202 dài 2m(3m)	44.000 (vnd)/m
CWA-203	Dùng cho cánh có chiều rộng tối thiểu 550mm	220.000 (vnd)
CWA-204	Dùng cho cánh có chiều rộng tối thiểu 450mm	176.000 (vnd)
UD-42/43	Thanh ray trên dùng cho bánh xe cửa lùa CWA-203/204 dài 2m(3m)	77.000 (vnd)/m
UD-52/53	Thanh ray dưới dùng cho bánh xe cửa lùa CWA-203/204 dài 2m(3m)	38.500 (vnd)/m
GC-203/204	Giảm chấn dùng cho bánh xe cửa lùa CWA-203/204	231.000 (vnd)/bộ



CWA-201



CWA-202



CWA-115



CWA-203



CWA-204

HỆ RAY LÙA SAMET



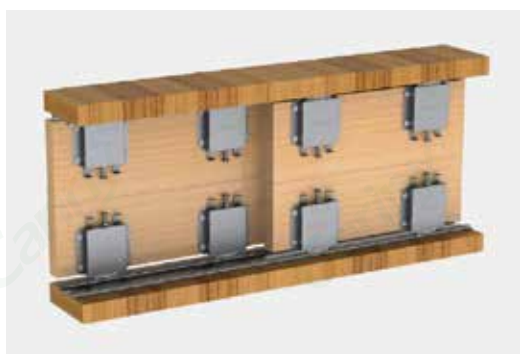
PHỤ KIỆN CỬA LÙA

SMT-75T



Mã sản phẩm Code	Mô tả	Giá bán Price
SMT-75T	Hệ ray trượt 2 cánh, tải trọng 75kg	320.000 (vnd)
128018471300	Ray cửa lùa dùng cho SMT-75T (thanh 3m)	175.000 (vnd)

Hệ ray trượt 2 cánh, tải trọng 75kg
Hoạt động êm ái và nhẹ nhàng
Điều chỉnh dung sai lắp đặt 8mm
Chưa bao gồm hệ giảm chấn đóng mở cánh



SMT-110



Mã sản phẩm Code	Mô tả	Giá bán Price
SMT-110	Hệ ray trượt lắp trên cánh, tải trọng 80kg	2.159.000 (vnd)
1280185711300	Ray trên dùng cho SMT-110 (3m)	1.450.000 (vnd)

Hệ ray trượt lắp trên cánh, tải trọng 80kg
Một bộ dùng cho 4 cánh, thiết kế nhỏ gọn
Hoạt động êm ái và nhẹ nhàng
Chiều dày cánh 18 - 50 mm
Điều chỉnh dung sai lắp đặt lên tới 20mm

SMT-500



Mã sản phẩm Code	Mô tả	Giá bán Price
SMT-500	Hệ ray trượt lắp cánh phủ, tải trọng 50kg	2.350.000 (vnd)
1280185811300	Ray trên dùng cho SMT-500 (3m)	1.230.000 (vnd)
1280185821300	Ray dưới dùng cho SMT-500 (3m)	1.150.000 (vnd)

Hệ ray trượt lắp cánh phủ ngoài, dùng cho 2 cánh, tải trọng 50kg
Hoạt động êm ái và nhẹ nhàng
Chiều dày cánh 22 mm
Điều chỉnh dung sai lắp đặt 7mm

WARDROBE Functional Hardware

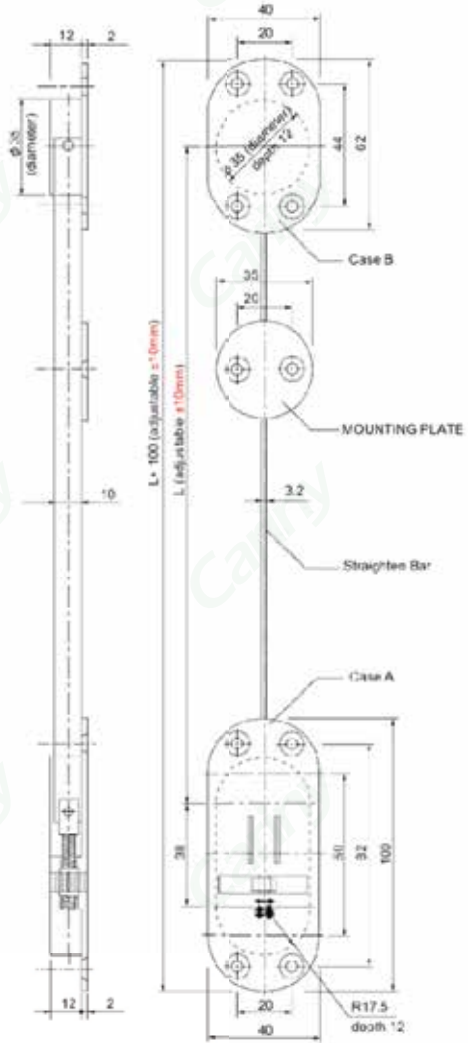
ANTI-BEND 3A

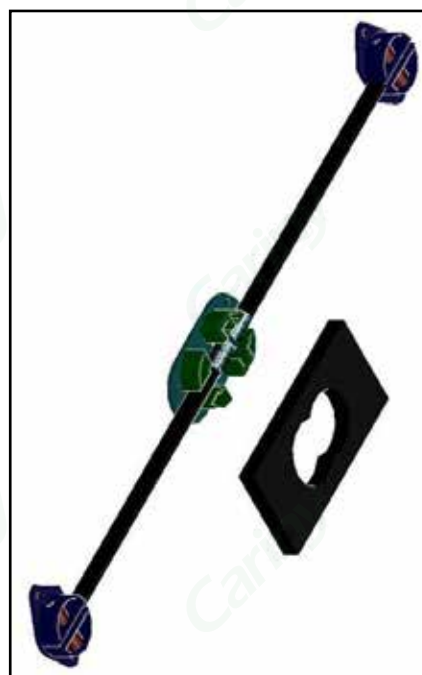
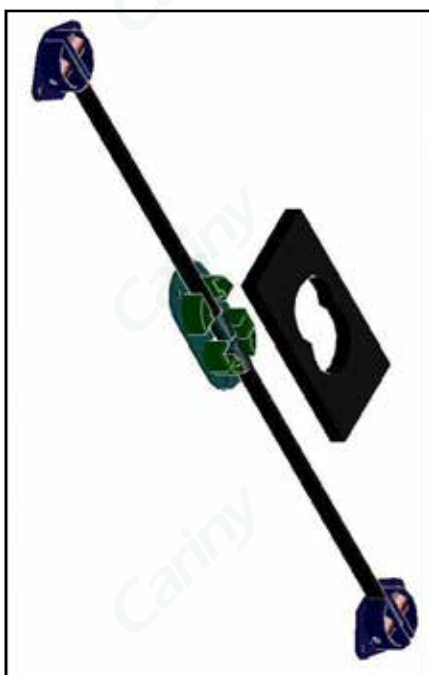


Neat Finish and Stability for Better for Better Slide

Prevent doors from bending

Suggested for high/wide door panels.

DESCRIPTION			
ANTI-BEND 3A		SCALE	
			
NAME	CODE	L-scale	Suggested Height
L1710	5538176A	1.700	2.000mm +
L2000	5538206A	1.990	2.200mm +
ANTI-BEND 3A [material] Steel, ZDC, Plastic [finish] Black Coating [package] 20pcs/ctn			



Name	Giá	L-Scale	Suggested Height
ATB-1500	220.000	1500mm	
ATB-1700	235.000	1700mm	
ATB-2000	250.000	2000mm	

Technical drawings of cable clamps CTDN-211 and CTDN-213.

CTDN-211
one adjustment

CTDN-213
one adjustment
cuttable

Dimensions shown in the drawings include:

- Plate size: 43 x 32 mm
- Plate thickness: 21.5 mm
- Hole spacing: ± 10 mm
- Cable diameter: $\varnothing 7$ mm
- Adjustment range: max 420 mm (cuttable)
- Clamp dimensions: 8.8, 2.5, 8.3, 10.8, 11.5, 9

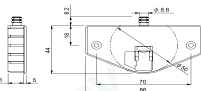
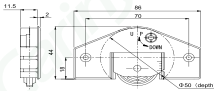
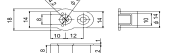
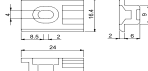
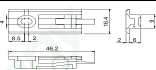


Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Dung sai Adjustment	Giá bán Price
CTN-211	1740mm	Mạ nikel	10mm	250.000 (vnd)
	2040mm			270.000 (vnd)
CTN-213	1740mm 2040mm	Mạ Nikel	10mm	250.000 (vnd)
				270.000 (vnd)

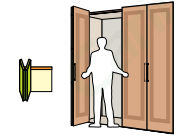
Thanh dài 2040mm có thể cắt được tối đa 400mm (theo yêu cầu của khách hàng)
Đơn giá sau khi cắt là 285.000 (vnd)

Enable to add the Soft Closing Function on premounted standard door.



SDR-1 UPPER RAIL  628 	
SRT-2 BOTTOM RAIL Y-shape  613 	
UPPER GUIDE  5545400	
SLIDE ROLLER  5545500C	
UPPER STOPPER for SDR-1 UPPER RAIL  554311	
RAIL-END CAP for SRT-2 BOTTOM RAIL  554569_	
BOTTOM STOPPER W/ BRAKE  554903_	

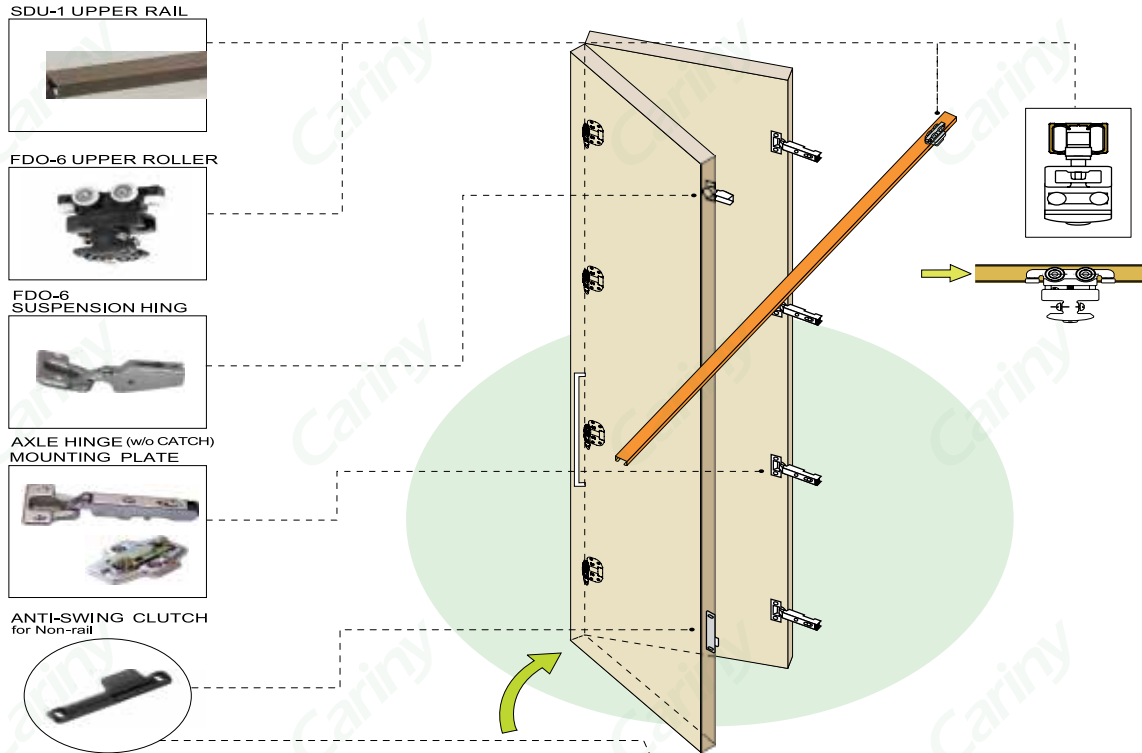
Backside Mount



Bi-FOLDING FDO-3

Accurate Door Support

Feel the smoothness and silence even with large-sized doors.
"No use of bottom track" enables easier use of castered-containers, such as PC-workstation, or "barrier-free closet".



**FDO
-3**

Overlay

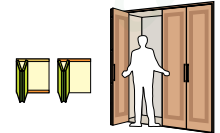
Upper
Hang

Fixed

MAX.
Load
: 30Kg

Thickness
: 16mm +

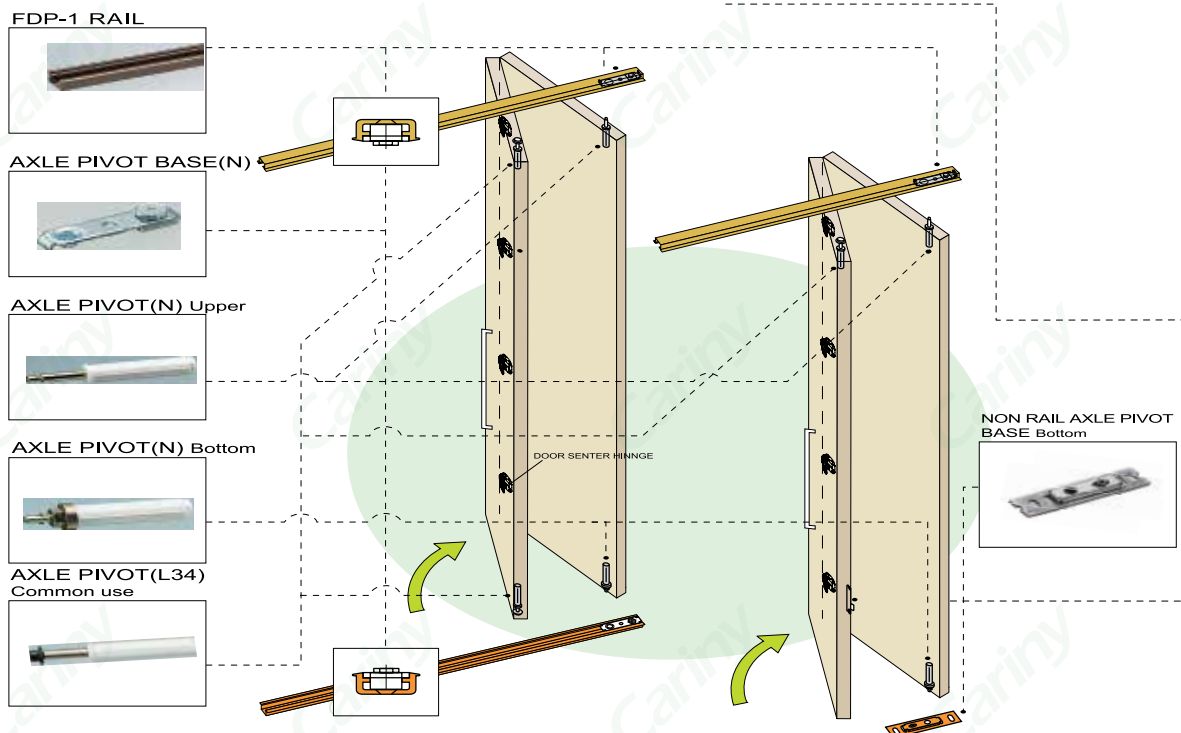
Backside
Mount



Bi-FOLDING FDP

Simple, Practical, Economical

Best way of Bi-folding Doors. Simple Design.



FDP

Inlay

Bottom
Load

Fixed

MAX.
Load
: 20Kg

Thickness
: 20mm +

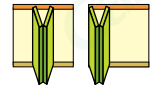
Top/
Bottom
Edge
Mount

RAY CỬA NHẬT BẢN

Bi-FOLDING FDA-1

Quick Installation, Smooth Performance

Durable design, practical installation and smooth operation. One-step installation. Barrier free applicable.



FDA-1

Inlay

Upper Hang

Free Slide/
Fixed

MAX.
Load
: 30Kg

Thickness
: 26mm+

Back
Side/
Edge
Mount

SDU-1 UPPER RAIL



UPPER ROLLER



BASE CUP



FDA-1 BOTTOM RAIL



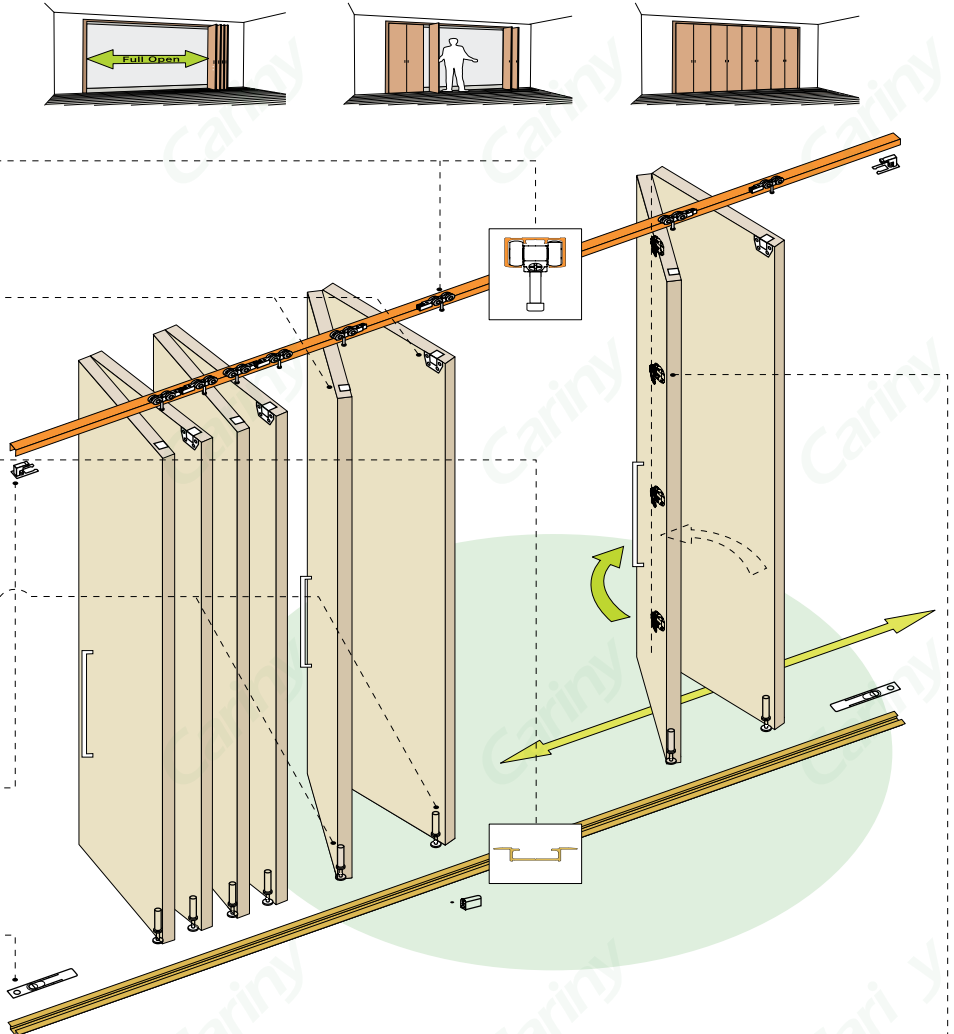
BOTTOM GUIDE RUNNER



Fixed, convertible
TEMPORARY
STOPPER (Upper)



TEMPORARY
STOPPER (Bottom)

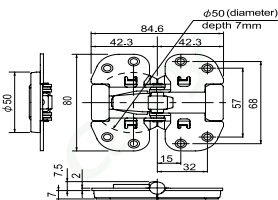


Bi-FOLDING DOOR HINGE

'Twin Stopper' Stops Folding in Middle range for Smoother Sliding

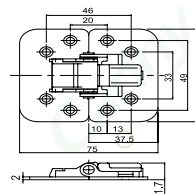
Stops at 37° to keep bi-folding door in 'triangle' shape. Perfect for small rooms and narrow spaces.

FE-B (In-lay)

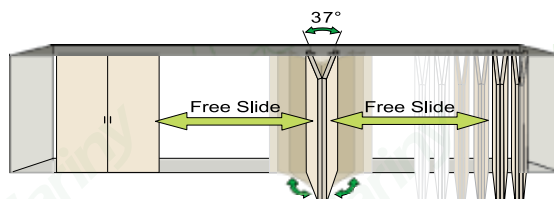


- Coil Spring with twin Stopper
- Flat-head $\phi 3.5$ T.P.
- Material : Steel
- Finish : Black
- Package : 150pcs / ctn

FE



- Coil Spring with twin Stopper (Direct Mount)
- Flat-head $\phi 3.5$ T.P.
- Material : Steel
- Finish : Black
- Package : 150pcs / ctn



Thickness
: 20 mm +

Backside
Mount

TAY NẮM



TAY NẮM

CZ-014



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 014-192N	192mm	Hợp kim kẽm	Mat đồng Mat nickel	169.000(vnd)
CZ 014-192C	192mm	Hợp kim kẽm	Mat chrome Mat nickel	169.000(vnd)

CZ-2389



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2389 -128	128mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	145.000 (vnd)
CZ 2389 -160	160mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	171.000 (vnd)
CZ 2389 -192	192mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	219.000 (vnd)

CZ-136



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 136-160	160mm	Hợp kim kẽm	Mat nickel	249.000 (vnd)

CZ-2414



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2414-128	128mm	Hợp kim kẽm	Mat nickel	115.000 (vnd)
CZ 2414-190	160mm	Hợp kim kẽm	Mat nickel	129.000 (vnd)

TAY NẮM

CZ-183



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 183-16	16mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	129.000 (vnd)

CZ-108



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 108-36	36mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	59.000 (vnd)

CZ-070



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 070-160	160mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	129.000(vnd)

CZ-236



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 236-16	16mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	89.000 (vnd)
CZ 236-160	160mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	119.000 (vnd)

TAY NẮM

CZ-2936



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2936-160	160mm	Hợp kim kẽm	Mat chrome	205.900 (vnd)
CZ 2936-96	96mm	Hợp kim kẽm	Mat chrome	175.000 (vnd)

CZ-2168



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 96	96mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	121.000 (vnd)
CZ 128	128mm	Hợp kim kẽm	Stainless steel finish	145.200 (vnd)
CZ 160	160mm	Hợp kim kẽm	Mat chrome	152.900 (vnd)

CZ-312



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 312-192	192mm	Hợp kim kẽm	Mat chrome Mat nickel + Lack	130.900 (vnd)

CZ-193



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 193-128	128mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	119.000(vnd)
CZ 193-160	160mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	119.000 (vnd)

TAY NẮM

CZ-305



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 305-128	128mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	101.200 (vnd)
CZ 305-160	160mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	101.200 (vnd)
CZ 305-288	288mm	Hợp kim kẽm	Polished chrome	167.200 (vnd)

CZ-839



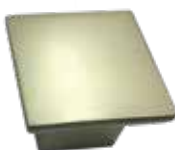
Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 839		Hợp kim kẽm	Mat chrome Mat bronze	59.000 (vnd)

CZ-2786



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2786	172mm	Metal	Polished chrome Mat chrome Mat nickel-lack	66.000 (vnd)

CZ-2324



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2324-16	16mm	Hợp kim kẽm	Mat chrome Mate nickel+lacquer Stainless steel finish	77.000 (vnd)

TAY NẮM

HGA - 05



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA05-128	128mm	Hợp kim kẽm		77.000 (vnd)
HGA05-160	160mm	Hợp kim kẽm		82.500 (vnd)
HGA05-192	192mm	Hợp kim kẽm		88.000 (vnd)
HGA05-224	224mm	Hợp kim kẽm		93.500 (vnd)

HGA - 06



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA06-128	128mm	Hợp kim kẽm		104.500 (vnd)
HGA06-160	160mm	Hợp kim kẽm		110.000 (vnd)
HGA06-192	192mm	Hợp kim kẽm		115.500 (vnd)
HGA06-224	224mm	Hợp kim kẽm		121.000 (vnd)

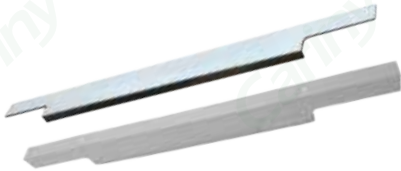
HGA-07



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA07-96	96mm	Hợp kim kẽm		27.500 (vnd)
HGA07-128	128mm	Hợp kim kẽm		33.000 (vnd)
HGA07-160	160mm	Hợp kim kẽm		38.500 (vnd)
HGA07-192	192mm	Hợp kim kẽm		44.000 (vnd)
HGA07-224	224mm	Hợp kim kẽm		49.500 (vnd)

TAY NẮM

HF-06



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Màu	Giá bán Price
HF06-250, 300	250-300mm	Hợp kim kẽm		192.500 (vnđ)
HF06-350	350mm	Hợp kim kẽm		220.000 (vnđ)
HF06-400	400mm	Hợp kim kẽm		247.000 (vnđ)
HF06-450	450mm	Hợp kim kẽm		275.000 (vnđ)
HF06-500	500mm	Hợp kim kẽm		302.000 (vnđ)
HF06-600	600mm	Hợp kim kẽm		330.000 (vnđ)
HF06-700	700mm	Hợp kim kẽm		357.500 (vnđ)
HF06-800	800mm	Hợp kim kẽm		385.000 (vnđ)
HF06-900	900mm	Hợp kim kẽm		412.000 (vnđ)
HF06-1000	1000mm	Hợp kim kẽm		439.000 (vnđ)

HGA-10



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA10-128	128mm	Hợp kim kẽm		104.500 (vnđ)
HGA10-160	160mm	Hợp kim kẽm		110.000 (vnđ)
HGA10-192	192mm	Hợp kim kẽm		115.500 (vnđ)
HGA10-224s	224mm	Hợp kim kẽm		121.000 (vnđ)

HG-439/589



Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HG439-297	297mm	Hợp kim kẽm		192.500 (vnđ)
HG439-589	589mm	Hợp kim kẽm		330.000 (vnđ)

HỆ THỐNG PISTON THỦY LỰC TAY NÂNG CÁNH TỦ



Kiểu dáng hiện đại
Thiết kế thông minh
Đa dạng trong lắp đặt và công năng sử dụng

HỆ PÍT-TÔNG VÀ TAY NÂNG

D-LITE LIFT HK-6



Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
D-LITE LIFT HK-6	200-600mm	Bộ	1.650.000 (vnd)

Chuyển động mượt mà và êm ái của sản phẩm đem lại trải nghiệm sử dụng thật sự thoải mái
Có thể dừng cánh tủ ở bất cứ vị trí nào nhờ tính năng dừng đa điểm
Thiết kế tinh tế tiết kiệm tối đa diện tích cho khoang tủ

MONOLIFT HK-5



Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MONOLIFT HK-5 L/R	350-600mm	Chiếc	950.000 (vnd)

Kết hợp giữa triết lý thiết kế tối giản, tinh tế và công nghệ chế tạo đẳng cấp đem lại kích thước cực kỳ nhỏ gọn và vẻ đẹp quyến rũ cho sản phẩm

DUOLIFT HF-22



Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DUOLIFT HF22/650	650mm	Bộ	2.790.000 (vnd)
DUOLIFT HF22/720	720mm	Bộ	2.790.000 (vnd)
DUOLIFT HF22/800	800mm	Bộ	2.890.000 (vnd)
DUOLIFT HF22/865	865mm	Bộ	2.990.000 (vnd)

Kết hợp giữa triết lý thiết kế tối giản, tinh tế và công nghệ chế tạo đẳng cấp đem lại kích thước cực kỳ nhỏ gọn và vẻ đẹp quyến rũ cho sản phẩm

JUPITA HF-21



Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HF-21	600-720mm	Bộ	1.650.000 (vnd)

HỆ PÍT-TÔNG VÀ TAY NÂNG

JUPITA HK-3



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HK-3L/R		Chiếc	550.000 (vnd)

Tay nâng thủy lực 1 cánh, dùng mọi vị trí

JUPITA-PS



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA-PA	80/100/120N	Chiếc	170.000/198.000/220.000 (vnd)
JUPITA-PT	80/100/120/140N	Chiếc	93.000/99.000/105.000/110.000 (vnd)
JUPITA-PS	50/60/80/100N	Chiếc	

Pít-tông mở lên, có thể điều chỉnh, dùng đa điểm

JUPITA-PD



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA-PD	80/100/120N	Chiếc	121.000/127.000/132.000 (vnd)

Pít-tông mở xuống

JUPITA HK-41



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HK-41	mm	Cặp	99.000 (vnd)
JUPITA HK-42	mm	Cặp	132.000 (vnd)
JUPITA HK-43	mm	Cặp	165.000 (vnd)
JUPITA HK-44	mm	Cặp	198.000 (vnd)

Tay nâng compa

PHỤ KIỆN HOÀN THIỆN

JUPITA HG5118



Mã sản phẩm Code	Mô tả	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HG5118	Tải trọng 5kg	Bộ	495.000 (vnd)

Bàn lễ giảm chấn dùng cho bàn phấn (3kg và 5kg)

HYDRA MT



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HYDRA MT-1		Chiếc	42.500 (vnd)
HYDRA MT-2		Chiếc	14.300 (vnd)
HYDRA MT-3		Chiếc	16.500 (vnd)
HYDRA MT-4		Chiếc	79.000 (vnd)

Móc treo từ trên

TMT-2000



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TMT-2000	Thanh 2m	Mét	200.000 (vnd)

Bát treo dài 2m

CP-202



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CP-201		Bộ	87.000 (vnd)
CP-201		Bộ	87.000 (vnd)

Nút nhấn mở cánh tủ có nam châm và không nam châm

PHỤ KIỆN HOÀN THIỆN

YC-120



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
YC-100		Mét dài	165.000 (vnd)
YC-120		Mét dài	165.000 (vnd)

Yếm che chân đế nhựa, mạ nhôm

SD-12/100



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SD-12/100	L=100mm	Chiếc	27.500 (vnd)

Chốt dẹt gỗ

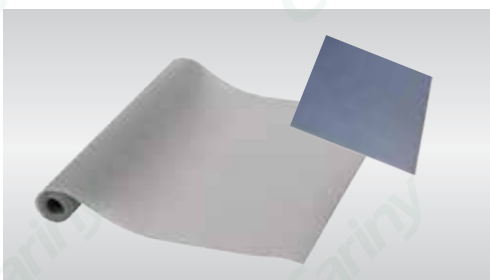
CD276-12/110



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CD276-12/110		Chiếc	38.500 (vnd)

Chốt dẹt gỗ có khóa

TAMLOT

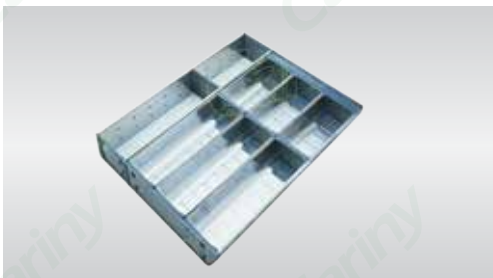


Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TAMLOTNHOM		Mét dài	88.000 (vnd)
TAMLOTNHUA		Mét dài	88.000 (vnd)

Tấm lót thùng tủ (nhôm/nhựa)

PHỤ KIỆN HOÀN THIỆN

KCC/KCL



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KCC-450	S425xC65xR280mm	Bộ	990.000 (vnd)
KCC-500	S425xC65xR280mm	Bộ	1.100.000 (vnd)
KCI-450	S425xC65xR380mm	Bộ	1.100.000 (vnd)
KCI-500	S425xC65xR380mm	Bộ	1.210.000 (vnd)

Khay chia thìa đĩa, inox 304

CDN90-150B



Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CDN90-150B	100mm+20mm	Chiếc	16.500 (vnd)
CDN90-150	100mm+20mm	Chiếc	14.300 (vnd)

Chân đế tủ bếp, chất liệu nhựa ABS, gioăng ngược NEW, có tăng chỉnh chiều cao: 90-150mm

ĐÈN LED



12V-DC

Tương thích bộ nguồn một chiều, hiệu điện thế 12V

24V-DC

Tương thích bộ nguồn một chiều, hiệu điện thế 24V

220V-AC

Tương thích lưới điện 220V



Sử dụng linh hoạt nhờ tích hợp các loại công tắc cảm ứng đa dạng: cảm ứng chuyển động, cảm ứng đóng mở, cảm ứng chạm



Công tắc cảm ứng có chức năng chiết áp



Hoạt động bền bỉ và tiết kiệm với bộ đổi nguồn tích hợp



Dễ dàng lắp đặt với các đầu giắc cắm Micro 24, có lẫy chống trượt



ĐÈN LED

CL-1006

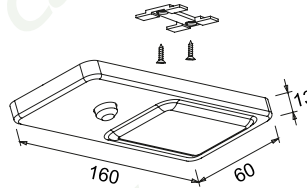


Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1006 IR sensor	4500-6000K	137	2,1W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnd)
CL-1006 PIR sensor	4500-6000K	137	2,1W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnd)
CL-3008PAH PAH sensor	3000K	137	2,2W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnd)

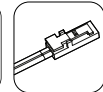
CL-3008PAH



Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



12V-DC

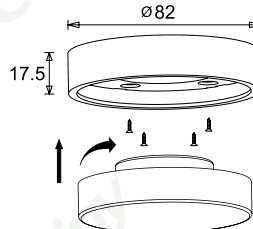


CL-5015



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5015	4500-6000K	310	3W 220V	Chiếc	550.000 (vnd)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



220V-AC

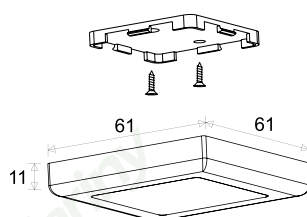


CL-5016

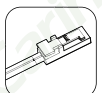


Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5016	4500-6000K	98	1,3W 12V-DC	Chiếc	286.000 (vnd)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim

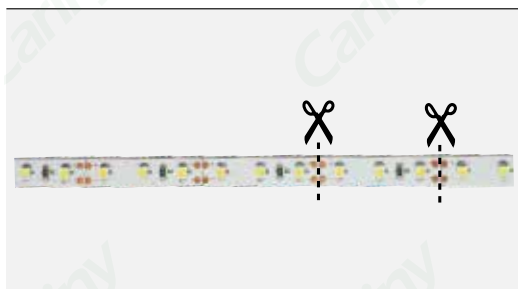


12V-DC



ĐÈN LED

CL-LD



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-LD4512/5	4500K	465	5W / m 12V-DC	Cuộn	1.650.000 (vnđ)
CL-LD4524/5	4500K	465	5W / m 24V-DC		
CL-LD6012/5	6000K	465	5W / m 12V-DC		1.650.000 (vnđ)
CL-LD6024/5	6000K	465	5W / m 24V-DC		

Vị trí lắp đặt thông dụng: dưới tủ bếp trên, dưới tấm đợt

Tích hợp băng dính 3M ở mặt sau để lắp đặt dễ dàng

Số lượng bóng LED: 120 bóng trên 1 mét dài

Có thể cắt tại điểm nối mạch (xem hình bên)

Quy cách: cuộn 5m

24V-DC

12V-DC

CL-1012



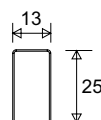
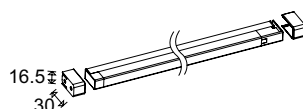
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1012/800 (L=762mm)	4500-6000K	380	6,8W 12V-DC	Chiếc	1.342.000 (vnđ)
CL-1012/900 (L=862mm)	4500-6000K	440	7,8W 12V-DC	Chiếc	1.441.000 (vnđ)

Thiết kế đặc biệt dành cho ngăn kéo

Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới thanh giằng tủ ngăn kéo

Tích hợp công tắc cảm biến đóng mở cánh

Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



12V-DC



CL-1011



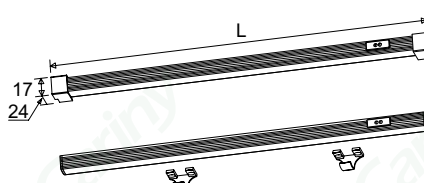
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1011/800 (L=762mm)	4500-6000K	435	5,4W 12V-DC	Chiếc	1.111.000 (vnđ)
CL-1011/900 (L=862mm)	4500-6000K	490	6W 12V-DC	Chiếc	1.221.000 (vnđ)

Thiết kế đặc biệt dành cho ngăn kéo

Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới thanh giằng tủ ngăn kéo

Tích hợp cảm biến đóng mở cánh

Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



12V-DC



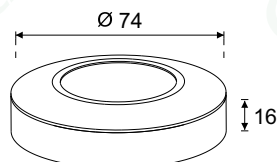
ĐÈN LED



CL-5030

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5030	4500K	145	2,5W 12V-DC	Chiếc	418.000 (vnđ)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc tủ bếp trên
Vật liệu hoàn thiện: nhôm xước



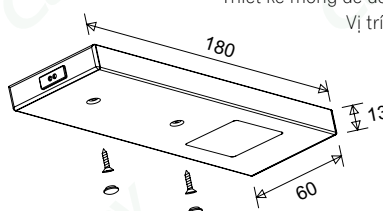
12V-DC



CL-1007

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1007 PIR	4500-6000K	98	1,3W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnđ)
CL-1007 IR	4500-6000K	98	1,3W 12V-DC	Chiếc	572.000 (vnđ)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc tủ bếp trên
Tích hợp công tắc cảm biến đóng mở cánh
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



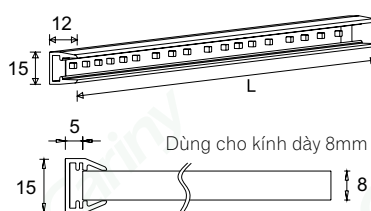
12V-DC



CL-4012

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-4012/600 (L=563mm)	4500-6000K	230	3,8W 2V-DC	Chiếc	429.000 (vnđ)
CL-4012/900 (L=863mm)	4500-6000K	347	5,7W 12V-DC	Chiếc	583.000 (vnđ)

Thiết kế đặc biệt dành cho đợt kính
Vị trí lắp đặt thông dụng: dọc theo cạnh trong và ngoài của đợt kính
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



12V-DC



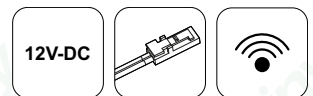
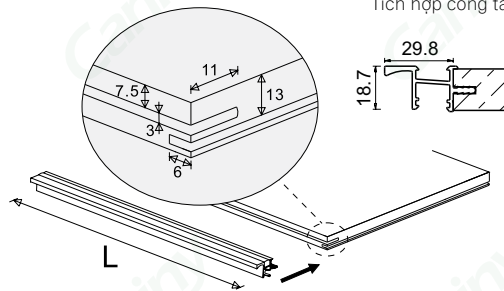
ĐÈN LED

CL-3045

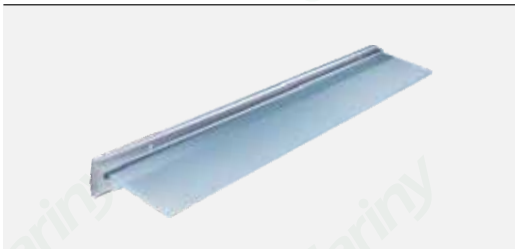


Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-3045/800 (L=764mm)	4500-6000K	955	16,5W 12V-DC	Chiếc	1.342.000 (vnđ)
CL-3045/900 (L=864mm)	4500-6000K	1114	18,4W 12V-DC	Chiếc	1.441.000 (vnđ)

Thiết kế đặc biệt để lắp đặt cho tấm dày 18mm
Vị trí lắp đặt thông dụng: cạnh ngoài tấm đáy hoặc tấm đót của tủ bếp
Tích hợp công tắc cảm biến chuyển động gần (vẫy tay)
Vật liệu hoàn thiện: nhôm xước

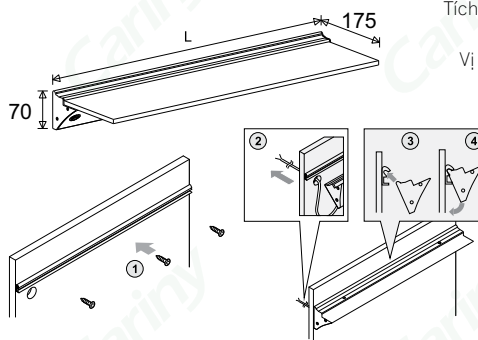


CL-4009



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-4009/600 (L=600mm)	6000K	230	3,8W 220V	Chiếc	1.804.000 (vnđ)
CL-4009/900 (L=900mm)	6000K	347	5,7W 220V	Chiếc	2.343.000 (vnđ)

Tích hợp đèn kính cường lực 8mm với cách lắp đặt dễ dàng
Vị trí lắp đặt thông dụng: làm đèn vách hoặc đèn trong tủ
Vật liệu hoàn thiện: nhôm xước

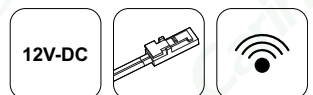
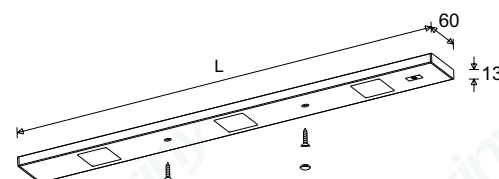


CL-3002



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-3002/600 (L=563mm)	4500-6000K	300	4,2W 12V-DC	Chiếc	968.000 (vnđ)
CL-3002/900 (L=863mm)	4500-6000K	400	5,6W 12V-DC	Chiếc	1.177.000 (vnđ)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới đáy tủ bếp trên, đặc biệt phía trên chậu rửa
Tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động gần (vẫy tay)
Vật liệu hoàn thiện: nhôm mờ



ĐÈN LED

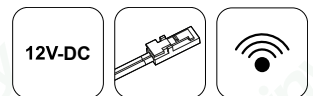
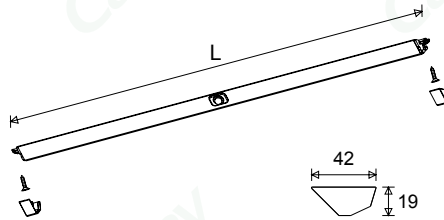


CL-1039



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1039 (L=850mm)	4500-6000K	640	10.3W 12V-DC	Chiếc	1.290.000 (vnđ)

Thiết kế đặc biệt để lắp đặt trong khoang tủ quần áo
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới, phía ngoài tấm nóc khoang tủ quần áo
Tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30 giây (PIR sensor switch)
Vật liệu hoàn thiện: nhôm xước

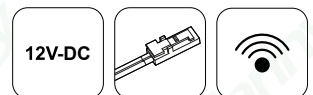
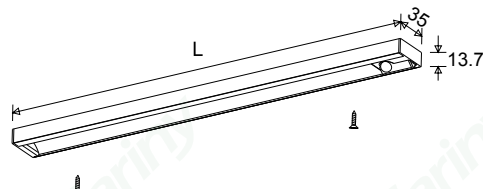


CL-3009



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1029/400 (L=400mm)	4500-6000K	125	2.4W 12V-DC	Chiếc	880.000 (vnđ)
CL-1029/550 (L=550mm)	4500-6000K	190	3.5W 12V-DC	Chiếc	990.000 (vnđ)
CL-1029/1150 (L=1150mm)	4500-6000K	400	7.9W 12V-DC	Chiếc	1.290.000 (vnđ)

Thiết kế đặc biệt cho khoang tủ quần áo
Vị trí lắp đặt thông dụng: cạnh ngoài của vách đứng khoang tủ quần áo
Tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30 giây (PIR sensor switch)
Vật liệu hoàn thiện: nhôm xước



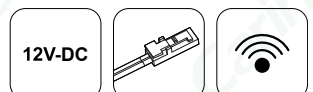
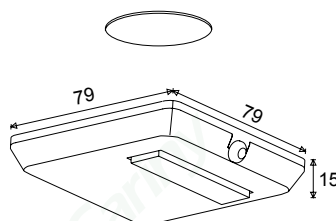
CL-5013



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5013	4500-6000K	70	0.7W 5V-DC	Chiếc	715.000 (vnđ)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới tấm nóc tủ quần áo
Tích hợp công tắc cảm ứng chạm
Vật liệu hoàn thiện: nhôm mờ

Miếng dán kim loại
kèm băng dính 3M



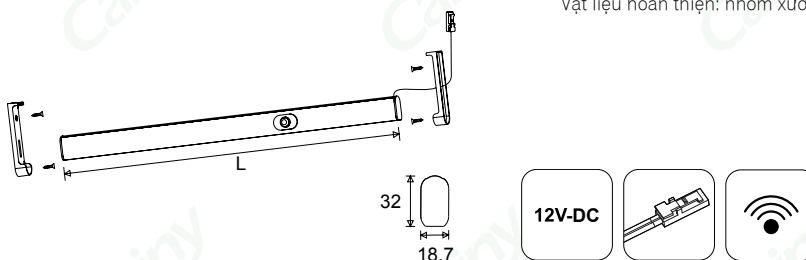
ĐÈN LED

CW-1007



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CW-1007 (L=962mm)	4500-6000K	365	7,2W 12V-DC	Chiếc	1.265.000 (vnd)
CW-1007 (L=1162mm)	4500-6000K	420	8,2W 12V-DC	Chiếc	1.375.000 (vnd)

Thiết kế suốt quần áo kết hợp đèn chiếu sáng
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên trong khoang treo quần áo
Tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30 giây (PIR sensor switch)
Vật liệu hoàn thiện: nhôm xước

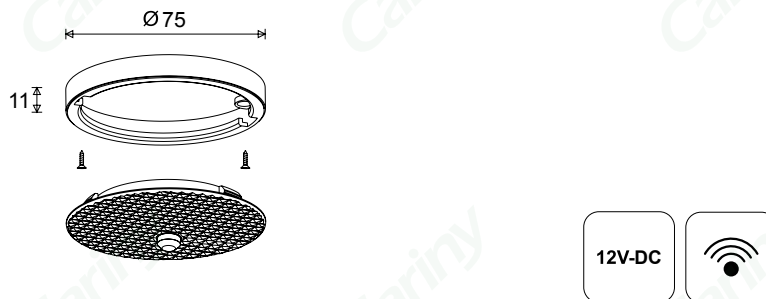


CL-5042

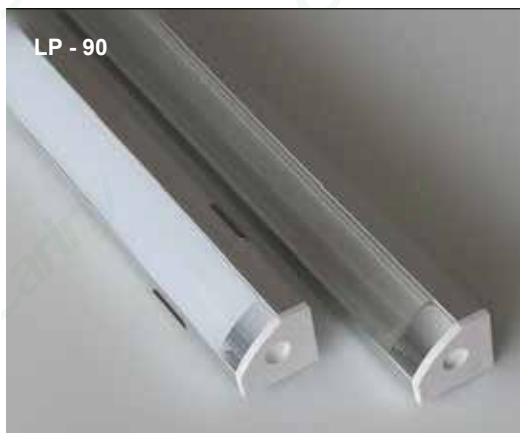


Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5042	4500-6000K	120	1,4W 12V-DC	Chiếc	495.000 (vnd)

Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc tủ bếp trên
Tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30 giây (PIR sensor switch)
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



LP - 90



Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
LP - 90	4500K	35	48W 12V-DC	Chiếc	1.595.000 (vnd)

Thiết kế dạng thanh dài tối đa 3m, có thể cắt ngắn
Vị trí lắp đặt thông dụng: dọc theo hồi tủ, các khe trang trí, khe hắt
Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



ĐÈN LED



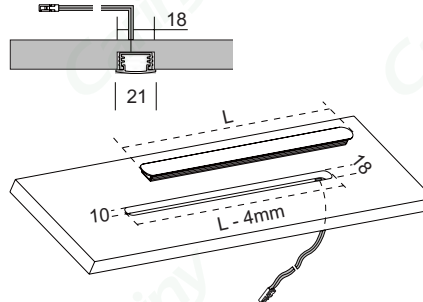
LP-928

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
LP-928				Chiếc	935.000 (vnđ)

Thiết kế dạng thanh dài tối đa 3m, có thể cắt ngắn

Vị trí lắp đặt thông dụng: soi âm vào gỗ, dọc theo hộc tủ, các khe trang trí, khe hắt
Chưa bao gồm đèn LED và công tắc cảm ứng, dây nối...

Vật liệu hoàn thiện: hợp kim, bóng mờ



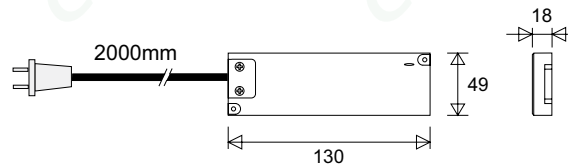
ĐÈN LED

CL-1215

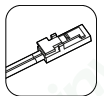


Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra Slot	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1215	100-240V AC	12V DC	6	Max. 15W	Chiếc	319.000 (vnđ)

Thiết kế siêu mỏng để giấu phía sau tấm hậu tủ
Tương thích các loại giắc nối và cảm biến đang có sẵn
Chống đoản mạch, hở mạch và quá tải



12V-DC

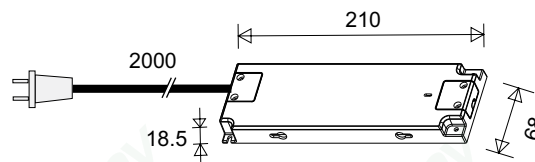


CL-1248

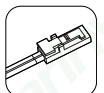


Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra Slot	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1248	100-240V AC	12V DC	6	Max. 48W	Chiếc	825.000 (vnđ)

Thiết kế siêu mỏng để giấu phía sau tấm hậu tủ
Tương thích các loại giắc nối và cảm biến đang có sẵn
Chống đoản mạch, hở mạch và quá tải



12V-DC

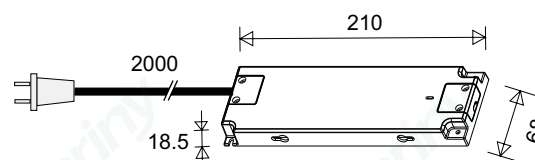


CL-2412



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra Slot	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-2412/15	100-240V AC	24V DC	6	Max. 15W	Chiếc	363.000 (vnđ)
CL-2412/48	100-240V AC	24V DC	6	Max. 48W	Chiếc	363.000 (vnđ)

Thiết kế siêu mỏng để giấu phía sau tấm hậu tủ
Tương thích các loại giắc nối và cảm biến đang có sẵn
Chống đoản mạch, hở mạch và quá tải



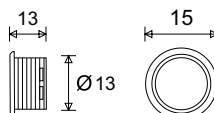
ĐÈN LED

CL-S102



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S102 IR	12V - DC	12V DC	1100mm	Max. 60W	Chiếc	308.000 (vnđ)
	220V - AC					

Cảm biến đóng mở cánh: đèn bật khi cánh tủ mở ra và tắt khi cánh tủ đóng lại
Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tủ hoặc lắp nổi với đai tích hợp

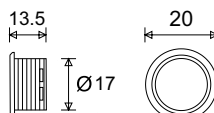


CL-S004



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S004 Touch	12V - DC	12V DC	1500mm	Max. 20W	Chiếc	308.000 (vnđ)
	220V - AC					

Cảm biến chạm để bật / tắt
Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tủ

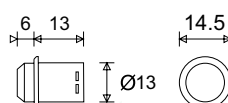


CL-S106



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S106 PIR	12V - DC	12V DC	1100mm	Max. 20W	Chiếc	308.000 (vnđ)
	220V - AC					

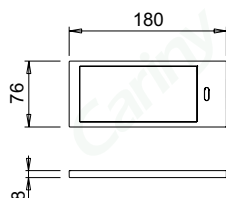
Cảm biến chuyển động
Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tủ



K-PAD



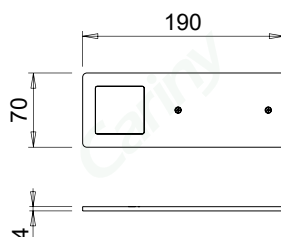
Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
K-PAD Slave	24V/DC			5W	Bộ	1.430.000 (vnd)
K-PAD SDM	24V/DC			5W	Bộ	1.870.000 (vnd)



POLAR



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
POLAR	24V/DC			5W	Bộ	750.000 (vnd)



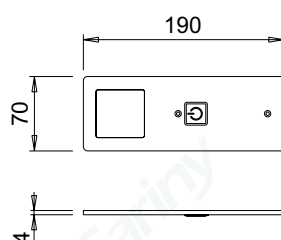
24V-DC



POLAR SWS



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
POLAR SWS	24V/DC			5W	Bộ	2.090.000 (vnd)



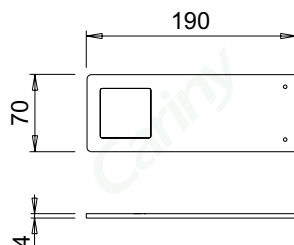
24V-DC



POLAR UP



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
POLAR UP	24V/DC			5W	Chiếc	750.000 (vnd)



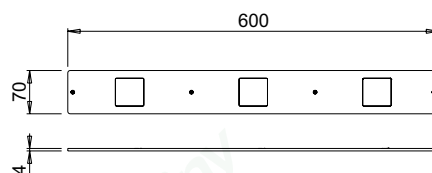
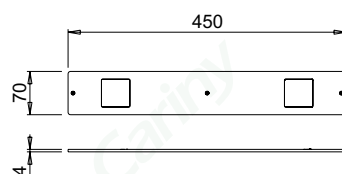
24V-DC



POLAR XL



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
POLAR XL2	24V/DC			10W	Bộ	1.815.000 (vnd)
POLAR XL3	24V/DC			15W	Bộ	2.640.000 (vnd)



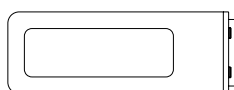
24V-DC



SKATE 3



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Dây Length	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SKATE 3 có công tắc cảm ứng chạm	12V/DC			4W	Bộ	1.980.000 (vnd)
SKATE 3 không có công tắc	12V/DC			4W	Bộ	1.320.000 (vnd)



12V-DC



FLEXY LED



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
FLEXY LED màu trắng hoặc vàng	12V/DC	24W	Cuộn 5m	2.750.000 (vnd)

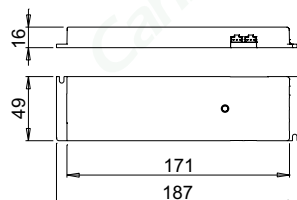
12V-DC



X-DRIVER-1512



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
X-DRIVER-1512	110-240V AC	12V/DC	4	15W	Chiếc	000.000 (vnd)



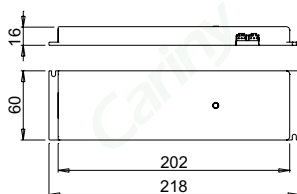
12V-DC



X-DRIVER-1524



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
X-DRIVER-1524	110-240V AC	24V/DC	6	15W	Chiếc	000.000 (vnd)



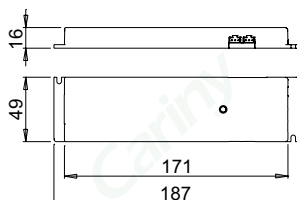
24V-DC



X-DRIVER-3012



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
X-DRIVER-3012	110-240V AC	12V/DC	4	30W	Chiếc	000.000 (vnd)
X-DRIVER-3024	110-240V AC	24V/DC	6	30W	Chiếc	000.000 (vnd)

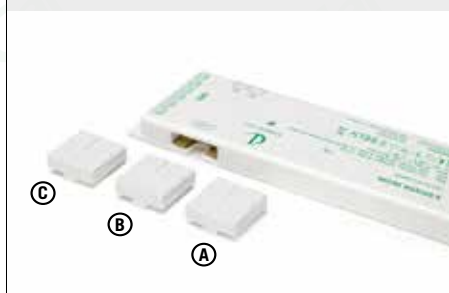


24V-DC

12V-DC



CONTROL MODULE



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Control Module					Chiếc	000.000 (vnd)

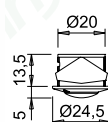
PIR-XD



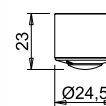
Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PIR-XD					Chiếc	000.000 (vnd)



Recessed installation



Surface installation
with holder
separately sold
Code: 3055401

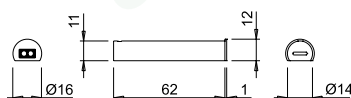
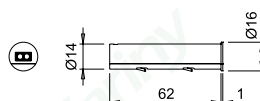


IR-XD



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
IR-XD-LSW					Chiếc	000.000 (vnd)
IR-XD-DSW						

Lắp đặt bên trong tấm hoặc trên bề mặt



REMOTE CONTROL



Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Remote					Bộ	000.000 (vnd)

